

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 30 /KH-SVHTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Hoạt động Thể thao Thành tích cao thành phố Hà Nội năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 09/01/2024 của UBND Thành phố về hoạt động Thể thao thành tích cao thành phố Hà Nội năm 2024; Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 30/12/2021 của UBND Thành phố về Đào tạo huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao, trọng điểm các môn Olympic và ASIAD thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025; Sở Văn hóa và Thể thao ban hành Kế hoạch hoạt động Thể thao Thành tích cao năm 2024 với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển thể thao thành tích cao theo Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 09/01/2024 của UBND Thành phố; Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 30/12/2021 của UBND Thành phố về Đào tạo huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao, trọng điểm các môn Olympic và ASIAD thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo tiến độ và hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

2. Xác định đúng đối tượng cần được tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện gắn với các môn thể thao trọng điểm, các nội dung trọng điểm nhằm tạo bước đột phá trong đào tạo tài năng thể thao thành tích cao; tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao, đội ngũ huấn luyện viên, cán bộ quản lý thể thao thành tích cao phải trên cơ sở khoa học, đáp ứng nhu cầu cấp thiết; áp dụng mô hình tiên tiến của thế giới phù hợp với thực tiễn những môn thể thao thế mạnh của Hà Nội, bảo đảm hiệu quả, chất lượng đào tạo các vận động viên tài năng đạt thành tích thi đấu cao ở trong nước và quốc tế, trình độ huấn luyện chuyên môn cao ở cấp quốc gia, khu vực, châu lục và thế giới.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch có chất lượng, cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của thành phố Hà Nội, huy động mọi nguồn lực của các cấp, các ngành, các địa phương và xã hội tham gia thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả cao nhất.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phần đầu có vận động viên vượt qua vòng loại giành vé chính thức tham dự Olympic Paris 2024.

- Đóng góp khoảng 30% lực lượng huấn luyện viên, vận động viên Thể thao Hà Nội tham gia Đoàn Thể thao Việt Nam thi đấu Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 33 tại Thái Lan năm 2025 và đóng góp khoảng 30% số lượng huy chương vàng vào thành tích chung của Đoàn Thể thao Việt Nam tại Đại hội.

- Phân đấu giữ vững vị trí Nhất toàn đoàn tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026; tiếp tục giữ vững vị trí Nhất toàn đoàn tại giải thi đấu Vô địch, Vô địch trẻ quốc gia của các môn là thể mạnh của thể thao Hà Nội như: Bắn cung, Boxing nữ, Cầu mây, Cờ vua, Cầu lông, Điền kinh, Muay, Karate, Lặn, Nhảy cầu, Kiếm quốc tế, Vật, Wushu, một số môn khác và phân đấu cải thiện thành tích, lấy lại vị thế của các môn thể thao Hà Nội có tiềm năng.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Nhóm môn có khả năng vượt qua vòng loại Olympic

Phân đấu có từ 1 - 2 vận động viên được tuyển chọn, tập trung đầu tư từ các môn Bắn cung, Boxing nữ, Đua thuyền, Kiếm quốc tế có khả năng giành vé chính thức tham dự Olympic năm 2024.

2.2. Nhóm môn SEA Games

Đóng góp 30% lực lượng huấn luyện viên, vận động viên tham gia Đoàn thể thao Việt Nam tại SEA Games 33 - Thái Lan 2025 và khoảng 30% số lượng huy chương vàng vào thành tích chung của Đoàn Thể thao Việt Nam tại 27 môn: Bắn cung, Bắn súng, Bóng bàn, Bóng đá, Boxing nam, Kickboxing, Muay, Boxing nữ, Cầu mây, Cờ, Cử tạ, Điền kinh, Đua thuyền, Bowling - Golf, Judo - Jujitsu, Karate, Kiếm quốc tế, Khiêu vũ thể thao, Pencak Silat, Taekwondo, Quần vợt, Thể thao dưới nước, Thể dục, Thể dục thể hình, Vật, Xe đạp, Wushu.

2.3. Nhóm môn Đại hội Thể thao toàn quốc

Đào tạo lực lượng VĐV thành tích cao trọng điểm là các môn thể mạnh của Hà Nội: Bắn cung, Bắn súng, Bóng bàn, Bóng ném, Bowling - Golf, Boxing nữ, Kickboxing - Muay, Cầu mây, Cờ, Cử tạ, Điền kinh, Karate, Khiêu vũ thể thao, Pencak Silat, Thể dục, Lặn, Nhảy cầu, Vật, Wushu với mục tiêu, thành tích giành vị trí Nhất toàn đoàn tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X.

2.4. Nhóm các môn mới phát triển

Tạo điều kiện cho tập đoàn, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, phát triển các môn thể thao mới nằm trong hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế: Ba môn phối hợp, Roller, Sailing, Thể thao điện tử và các môn khác.

3. Chỉ tiêu huy chương

Hoàn thành và vượt số lượng 2100 huy chương các loại, cụ thể:

3.1. Trong nước: 651 HCV, 539 HCB, 601 HCD (1791 huy chương)

3.2. Quốc tế: 94 HCV, 95 HCB, 120 HCD (309 huy chương).

III. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM:

1. Nhóm giải pháp huấn luyện và đào tạo

1.1. Đào tạo vận động viên

a) Xây dựng kế hoạch tập huấn trong nước và kế hoạch tập huấn quốc tế tại các quốc gia có trình độ phát triển mạnh về thể thao thành tích cao, có cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện, điều kiện dinh dưỡng, điều kiện chăm sóc, phục hồi sức khỏe vận động viên đồng bộ, hiện đại đạt tiêu chuẩn, phù hợp với các

vòng loại và giải thi đấu như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Mỹ, Pháp, Đức, Hungary... (phụ lục 2, 3).

b) Xây dựng kế hoạch cử các đoàn vận động viên tham dự các giải trong hệ thống thi đấu quốc gia, các giải thi đấu mở rộng có tính chất chuyên môn cao trong nước (phụ lục 4.1, 4.2).

c) Vận động viên trọng điểm tham gia đầy đủ các giải trong hệ thống giải thi đấu quốc tế chính thức, các giải mở rộng của Liên đoàn, Hiệp hội các môn thể thao khu vực, châu lục và thế giới nhằm tạo điều kiện, cơ hội cho các vận động viên được thi đấu cọ xát, tích điểm xếp hạng, nâng cao trình độ chuyên môn, thể lực, hoàn thiện kỹ chiến thuật và đặc biệt là ổn định tâm lý thi đấu (phụ lục 5.1, 5.2).

d) Tập trung tuyển chọn vận động viên năng khiếu thể thao; xây dựng chương trình đào tạo, huấn luyện các vận động viên trẻ để tạo nguồn vận động viên trọng điểm cho Hà Nội, vận động viên đội tuyển Quốc gia.

e) Triệu tập, tập huấn huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao Thành phố Hà Nội năm 2024.

- Nguồn kinh phí ngân sách: 528 huấn luyện viên, 3167 vận động viên (phụ lục 1.1).

- Nguồn kinh phí xã hội hóa: 20 huấn luyện viên, 100 vận động viên nhằm mục đích phát triển các môn mới chuẩn bị Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X (phụ lục 1.2).

f) Triệu tập, tập huấn huấn luyện viên, vận động viên, tập huấn Đội tuyển Quốc gia thực hiện kế hoạch tập huấn, thi đấu quốc tế của Cục Thể dục thể thao.

Đảm bảo và phân đấu tăng số lượng triệu tập, tập huấn đội tuyển quốc gia so với năm trước với 81 lượt huấn luyện viên, 324 lượt vận động viên tại các môn Bắn cung, Bắn súng, Bi sắt, Billiards & Snooker, Bóng bàn, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng ném, Bóng rổ, Boxing nam, Boxing nữ, Bơi, Cầu lông, Cầu mây, Cờ, Cử tạ, Đá cầu, Điền kinh, Đua thuyền, Judo - Jujitsu, Golf, Karate, Kickboxing - Muay, Kiếm quốc tế, Khiêu vũ thể thao, Lặn, Nhảy cầu, Pencak Silat, Quần vợt, Taekwondo, Thể dục, Thể hình, Vật, Vovinam, Xe đạp, Wushu, Thể thao khuyết tật.

g) Ngoài thời gian làm nhiệm vụ tại đội tuyển quốc gia, các huấn luyện viên, vận động viên thực hiện kế hoạch tập huấn, thi đấu trong nước và quốc tế theo chương trình hoạt động của Thể thao thành tích cao Thành phố Hà Nội, tập trung các nội dung thi đấu:

- Nhóm môn có khả năng vượt qua vòng loại Olympic: Triển khai các nội dung: Trong nước: 15 đợt tập huấn, 20 đợt thi đấu; Quốc tế: 14 đợt tập huấn, 27 đợt thi đấu.

- Nhóm môn SEA Games: Triển khai các nội dung: Trong nước: 131 đợt tập huấn, 182 đợt thi đấu; Quốc tế: 81 đợt tập huấn, 153 đợt thi đấu.

- Nhóm môn Đại hội Thể thao toàn quốc: Triển khai các nội dung: Trong nước: 157 đợt tập huấn, 251 đợt thi đấu; Quốc tế: 86 đợt tập huấn, 187 đợt thi đấu.

- Nhóm các môn mới phát triển: Triển khai các nội dung: Tham dự 08 đợt Thi đấu quốc gia.

1.2. Đào tạo, bồi dưỡng huấn luyện viên, cán bộ quản lý thể thao thành tích cao

a) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ huấn luyện viên có trình độ chuyên môn giỏi đạt trình độ quốc gia, quốc tế trở thành huấn luyện viên trưởng, huấn luyện viên nòng cốt với số lượng nhiều nhất được triệu tập đội tuyển quốc gia; rà soát cử các huấn luyện viên có chuyên môn tốt tham gia các khóa đào tạo, tập huấn tại nước ngoài, đặc biệt là các môn thể thao thành tích cao trọng điểm trong hệ thống thi đấu Olympic, ASIAD; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý thể dục thể thao có đủ năng lực, trình độ chuyên môn cao, uy tín tham gia ban lãnh đạo các Liên đoàn, Hiệp hội các môn thể thao quốc gia, quốc tế.

b) Mời huấn luyện viên, chuyên gia giỏi đến từ các quốc gia có nền thể thao phát triển, làm nhiệm vụ huấn luyện chuyên biệt cho các vận động viên thể thao thành tích cao trọng điểm để nâng cao trình độ chuyên môn đạt đẳng cấp quốc tế, qua đó tăng khả năng đạt huy chương tại các kỳ Olympic, ASIAD và các đấu trường quốc tế khác:

- Nhóm môn có khả năng vượt qua vòng loại Olympic: Triển khai các nội dung: mời 03 Chuyên gia người nước ngoài.

- Nhóm môn SEA Games: Triển khai các nội dung: mời 06 Chuyên gia người Việt Nam; 25 Chuyên gia người nước ngoài.

- Nhóm môn Đại hội Thể thao toàn quốc: Triển khai các nội dung: mời 06 Chuyên gia người Việt Nam; 25 Chuyên gia người nước ngoài.

- Chuyên gia người Việt Nam: (phụ lục 6)

- Chuyên gia người nước ngoài: (phụ lục 7)

1.3. Thuê địa điểm ăn ở tập trung và tập luyện: 07 Bộ môn (phụ lục 9).

2. Nhóm giải pháp về việc hỗ trợ công tác tập luyện, thi đấu

2.1. Đầu tư cơ sở vật chất

a) Tập trung đầu tư nâng cấp các hạng mục công trình phục vụ tập luyện, sinh hoạt và thi đấu, các công trình phụ trợ. Triển khai kế hoạch đầu tư công, đảm bảo bố trí nguồn ngân sách cho việc sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang, thiết bị tập luyện cho Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội (Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT Hà Nội).

b) Thực hiện các dự án nâng cấp sửa chữa, hiện đại hóa, đồng bộ đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế các công trình, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ công tác huấn luyện, tập luyện và thi đấu nhằm nâng cao thành tích, cũng như hiện thực hóa các nội dung trong kế hoạch.

2.2. Đăng cai tổ chức các giải thi đấu quốc gia, quốc tế

Phối hợp Cục Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), các Liên đoàn, Hiệp hội các môn thể thao quốc gia, đăng cai tổ chức các giải thi đấu cấp quốc gia, khu vực, châu Á và thế giới tại thành phố Hà Nội như: Giải Aerobic

vô địch các câu lạc bộ quốc gia và vô địch Châu Á, vô địch trẻ Châu Á, giải vô địch Đâu kiếm quốc gia, giải Bì sắt đồng đội quốc gia, giải vô địch Thể dục nghệ thuật quốc gia, giải Cầu lông Vietnam Challenger 1, giải vô địch Cờ vua quốc gia, giải Đua thuyền Rowing và Canoeing vô địch trẻ quốc gia, giải vô địch trẻ Roller quốc gia, giải Trượt băng vô địch trẻ quốc gia... để vận hành và trau dồi kinh nghiệm trong công tác tổ chức, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh văn hóa, tiềm năng, thể mạnh của Hà Nội và Việt Nam đến bạn bè khắp nơi trên thế giới (*Phụ lục 8*).

2.3. Hợp tác, giao lưu, kết hợp học tập kinh nghiệm

a) Tăng cường công tác phối hợp giữa Hà Nội với Cục Thể dục thể thao, các Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia, các Liên đoàn, Hiệp hội các môn thể thao quốc gia, lựa chọn các cơ sở đào tạo, trung tâm huấn luyện thể thao có uy tín, chất lượng cao, có thể mạnh đào tạo về ngành, chuyên ngành, bộ môn thể thao thành tích cao ở các quốc gia có nền thể thao thành tích cao tiên tiến. Đặc biệt, triển khai hợp tác với Cục Thể thao Thành phố Bắc Kinh (Trung Quốc) trong lĩnh vực thể thao thành tích cao để thể thao Thủ đô ngày càng phát triển.

b) Thực hiện các nội dung hợp tác với các quốc gia truyền thống ở khu vực Đông Nam Á, châu Á và quốc tế; đẩy mạnh giao lưu, hợp tác với các tỉnh thành trên cả nước.

c) Cử các vận động viên, huấn luyện viên tài năng tham gia các giải thi đấu quốc tế theo kế hoạch của Cục Thể dục thể thao, Liên đoàn, Hiệp hội các môn thể thao quốc gia và quốc tế; cử cán bộ quản lý, huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài tham gia hội thảo, tập huấn, đào tạo chuyên môn trong nước và quốc tế.

d) Triển khai các Đoàn công tác đi Trung Quốc và một số nước trao đổi kinh nghiệm, học tập mô hình quản lý, đào tạo thể thao thành tích cao (*Phụ lục 10*).

2.4. Xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao

a) Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tập đoàn lớn, các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, vận hành các cơ sở đào tạo vận động viên và tham gia bảo trợ, tài trợ cho các đội tuyển thể thao, vận động viên tài năng.

b) Phát huy vai trò của các Liên đoàn, Hiệp hội, các tổ chức xã hội về thể thao trong việc tuyển chọn, đào tạo tài năng thể thao; phát triển một số môn thể thao thành tích cao theo hướng chuyên nghiệp.

c) Phối hợp với các Liên đoàn, Hiệp hội, các tổ chức xã hội về thể thao tổ chức các hoạt động tập huấn, thi đấu cấp quốc gia, khu vực và quốc tế; thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động thể dục, thể thao; giao một số giải thi đấu thể thao thành tích cao cho các tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể thao nếu có đủ khả năng thực hiện.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách Thành phố cấp cho Sở Văn hóa và Thể thao chi hoạt động thường xuyên phục vụ sự nghiệp thể thao năm 2024 theo quy định.

2. Các nguồn xã hội hóa và nguồn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Quản lý Thể dục thể thao

- Là đơn vị thường trực, phối hợp với các đơn vị có liên quan để triển khai các nội dung Kế hoạch hoạt động thể thao thành tích cao năm 2024; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất (theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền), tổng hợp, báo cáo Sở Văn hóa và Thể thao, UBND Thành phố công tác thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan, tham mưu Ban Giám đốc Sở, đề xuất các chế độ, chính sách liên quan đến thực hiện Kế hoạch, trình UBND Thành phố xem xét, quyết định.

- Xây dựng kế hoạch, triển khai phối hợp thực hiện công tác tổ chức các giải thể thao nằm trong hệ thống quốc gia, quốc tế tại Hà Nội, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp các phòng, đơn vị thuộc Sở, xây dựng kế hoạch chi tiết Đoàn công tác tham quan, học tập mô hình quản lý, đào tạo thể thao thành tích cao theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Văn phòng Sở

Chủ trì, phối hợp với phòng Quản lý Thể dục thể thao và các đơn vị có liên quan tham mưu Sở, trình UBND Thành phố công tác thi đua, khen thưởng và vinh danh huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc tại các giải thi đấu;

3. Phòng Tổ chức - Pháp chế

- Hướng dẫn Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT Hà Nội trong công tác cử các đoàn ra tập huấn, thi đấu quốc tế, học tập nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn ở nước ngoài.

- Phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan, chuẩn bị các hồ sơ pháp lý, trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định của các đoàn đi tập huấn, thi đấu trong nước và quốc tế.

4. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Tham mưu, báo cáo Sở Văn hóa và Thể thao bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ được Sở giao tại Kế hoạch, trên cơ sở đề xuất của các đơn vị liên quan.

5. Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT Hà Nội

- Là đơn vị chủ trì tham mưu, triển khai thực hiện kế hoạch chi tiết hoạt động thể thao thành tích cao năm 2024.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết tham mưu Ban Giám đốc Sở ban hành Quyết định về việc: triệu tập, tập huấn; tập huấn, thi đấu trong nước và quốc tế đối với cán bộ, viên chức, huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao Hà Nội.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các dự án nâng cấp, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật các hạng mục công trình phục vụ tập luyện, thi đấu và các công trình phụ trợ ... đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế phục vụ công tác huấn luyện, tập luyện và thi đấu.

- Phối hợp với Phòng Quản lý Thể dục thể thao tham mưu nội dung làm việc của Đoàn công tác tham quan, học tập mô hình quản lý, đào tạo thể thao thành tích cao theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc Sở về thành tích và kết quả thực hiện Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 09/01/2024 của UBND Thành phố về hoạt động thể thao thành tích cao thành phố Hà Nội năm 2024.

- Báo cáo Sở Văn hóa và Thể thao kết quả thực hiện kế hoạch và chỉ tiêu huy chương được giao hằng tháng, quý và cả năm 2024; phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo UBND Thành phố việc triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động Thể thao thành tích cao năm 2024 theo quy định.

Sở Văn hóa và Thể thao đề nghị các phòng, đơn vị thuộc Sở căn cứ nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch, chủ động triển khai công việc đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả. /.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- Ban Giám đốc Sở;
- Như mục IV;
- Lưu: VT, QL TDTT.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Đình Hồng

KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG HLV - VĐV TRIỆU TẬP TẬP HUẤN(Kèm theo Kế hoạch số **30** /KH-SVHTT ngày **12** tháng **01** năm **2024** của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội)

TT	Bộ môn	Tổng số	Tuyển 1	Tuyển 2	Tuyển 3	Số ngày	Ghi chú
1	Bắn cung	84					
	HLV	17	14	1	2	366	
	VĐV	67	20	20	27	366	
2	Bắn súng	130					
	HLV	17	14	2	1	366	
	VĐV	113	35	35	43	366	
3	Bi sắt	56					
	HLV	6	2	2	2	366	
	VĐV	50	16	16	18	366	
4	Billiards - Snooker	56					
	HLV	6	3	1	2	366	
	VĐV	50	19	16	15	366	
5	Bóng bàn	73					
	HLV	12	5	4	3	366	
	VĐV	61	15	21	25	366	
6	Bóng chuyền - Bóng rổ	168					
*	Bóng chuyền	91					
	HLV	14	9	5		366	
	VĐV	77	28	31	18	366	

TT	Bộ môn	Tổng số	Tuyển 1	Tuyển 2	Tuyển 3	Số ngày	Ghi chú
*	Bóng rổ	77					
	HLV	10	7	2	1	366	
	VĐV	67	27	20	20	366	
7	Bóng đá	244					
	HLV	33	10	16	7	366	
	VĐV	211	49	112	50	366	
8	Bóng ném - Bóng gỗ	68					
	HLV	10	6	4		366	
	VĐV	58	29	7	22	366	
9	Boxing nam - Kickboxing - Muay	163					
*	Boxing nam	54					
	HLV	9	6	2	1	366	
	VĐV	45	14	15	16	366	
*	Kick boxing	53					
	HLV	8	4	2	2	366	
	VĐV	45	15	15	15	366	
*	Muay	56					
	HLV	9	5	2	2	366	
	VĐV	47	17	15	15	366	
10	Boxing nữ	68					
	HLV	10	5	3	2	366	
	VĐV	58	14	18	26	366	

TT	Bộ môn	Tổng số	Tuyển 1	Tuyển 2	Tuyển 3	Số ngày	Ghi chú
11	Cầu lông	70					
	HLV	12	8	2	2	366	
	VĐV	58	16	12	30	366	
12	Cầu mây	102					
	HLV	15	10	3	2	366	
	VĐV	87	26	23	38	366	
13	Cờ	99					
	HLV	11	5	3	3	366	
	VĐV	48	21	12	15	366	
	VĐV	40			40	92	
14	Cử tạ	105					
	HLV	14	9	4	1	366	
	VĐV	91	25	30	36	366	
15	Đá cầu	58					
	HLV	5	2	2	1	366	
	VĐV	53	16	18	19	366	
16	Điền kinh	147					
	HLV	32	22	5	5	366	
	VĐV	115	45	30	40	366	
17	Đua thuyền	125					
	HLV	20	13	6	1	366	
	VĐV	105	40	30	35	366	

TT	Bộ môn	Tổng số	Tuyển 1	Tuyển 2	Tuyển 3	Số ngày	Ghi chú
18	Golf - Bowling	82					
*	Golf	44					
	HLV	4	2	1	1	366	
	VĐV	40	12	15	13	366	
*	Bowling	38					
	HLV	2	1	1		366	
	VĐV	36	24	5	7	366	
19	Judo - Jujitsu	102					
*	Judo	55					
	HLV	10	4	3	3	366	
	VĐV	45	15	15	15	366	
*	Jujitsu	24					
	HLV	4	3	1		366	
	VĐV	20	10	5	5	366	
*	Kurash	23					
	HLV	3	1	1	1	366	
	VĐV	20	6	7	7	366	
20	Karate	106					
	HLV	14	8	3	3	366	
	VĐV	92	26	26	40	366	

TT	Bộ môn	Tổng số	Tuyển 1	Tuyển 2	Tuyển 3	Số ngày	Ghi chú
21	Kiểm quốc tế	116					
	HLV	17	9	7	1	366	
	VĐV	99	27	33	39	366	
22	Khiêu vũ thể thao	60					
	HLV	7	4	2	1	366	
	VĐV	53	21	22	10	366	
23	Pencaksilat	90					
	HLV	9	5	2	2	366	
	VĐV	81	26	27	28	366	
24	Taekwondo	106					
	HLV	11	8	3		366	
	VĐV	95	35	35	25	366	
25	Quần vợt	41					
	HLV	9	3	2	4	366	
	VĐV	32	7	7	18	366	
26	Thể thao dưới nước	202					
*	Bơi	56					
	HLV	9	4	2	3	366	
	VĐV	47	12	10	25	366	
*	Lặn	84					
	HLV	12	4	4	4	366	
	VĐV	72	22	22	28	366	

TT	Bộ môn	Tổng số	Tuyển 1	Tuyển 2	Tuyển 3	Số ngày	Ghi chú
*	Nhảy cầu	62					
	HLV	12	6	4	2	366	
	VĐV	50	16	16	18	366	
27	Thể dục	140					
*	Dụng cụ	63					
	HLV	16	8	5	3	366	
	VĐV	47	12	10	25	366	
*	Aerobic	50					
	HLV	5	3	1	1	366	
	VĐV	45	15	10	20	366	
*	Nghệ thuật	27					
	HLV	3	1	1	1	366	
	VĐV	24	8	4	12	366	
28	Thể dục thể hình	32					
	HLV	4	2	1	1	366	
	VĐV	28	12	8	8	366	
29	Vật	180					
	HLV	22	11	5	6	366	
	VĐV	158	43	48	67	366	
30	Võ cổ truyền - Vovinam	138					
*	Võ cổ truyền	76					
	HLV	9	5	4		366	
	VĐV	67	25	22	20	366	

TT	Bộ môn	Tổng số	Tuyển 1	Tuyển 2	Tuyển 3	Số ngày	Ghi chú
*	Vovinam	62					
	HLV	10	6	4		366	
	VĐV	52	16	16	20	366	
31	Xe đạp	80					
*	Đường trường	40					
	HLV	6	2	2	2	366	
	VĐV	34	10	10	14	366	
*	Địa hình	40					
	HLV	6	3	2	1	366	
	VĐV	34	10	10	14	366	
32	Wushu	404					
	HLV	42	18	16	8	366	
	VĐV	233	72	90	71	366	
33	Thể thao khuyết tật	129					
	HLV	10	10			366	
	VĐV	34	34			366	
	HLV	2		2		366	
	VĐV	83		83		273	
	Tổng cộng	3695	1293	1202	1200		
	Trong đó:						
	HLV	528	290	150	88		
	VĐV	3.167	1.003	1.052	1.112		

3/10

**KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG HLV - VĐV TRIỆU TẬP TẬP HUẤN CÁC MÔN THỂ THAO MỚI PHÁT TRIỂN
CHUẨN BỊ ĐẠI HỘI THỂ THAO TOÀN QUỐC LẦN THỨ X**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SVHTT ngày tháng năm của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội)

TT	Môn	Tổng số	Tuyển 1	Tuyển 2	Tuyển 3	Số ngày	Ghi chú
1	Ba môn phối hợp						
	HLV	3	3			366	Kinh phí XHH
	VĐV	12	12			366	Kinh phí XHH
2	Roller						
	HLV	9	5	4		366	Kinh phí XHH
	VĐV	50	30	20		366	Kinh phí XHH
3	Sailing						
	HLV	2	2			366	Kinh phí XHH
	VĐV	8	8			366	Kinh phí XHH
4	Thể thao điện tử						
	HLV	6	6			366	Kinh phí XHH
	VĐV	30	30			366	Kinh phí XHH
	Tổng cộng	120	96	24	0		
	Trong đó:						
	HLV	20	16	4	0		
	VĐV	100	80	20	0		

KẾ HOẠCH ĐI TẬP HUẤN TRONG NƯỚC

(Kèm theo Kế hoạch số 30 /KH-SVHTT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội)

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Mục đích
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch			
1	Bắn cung									
		Hà Nội/ Thái Nguyên/ Phú Thọ	Quý I, II	1	4	30	1	30	1	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ thuật chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
		Hà Nội/ Thái Nguyên/ Phú Thọ	Quý II, III	1	4	30	1	30	2	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ thuật chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
		Hà Nội/ Thái Nguyên/ Phú Thọ	Quý III, IV	1	4	30	1	30	3	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ thuật chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
2	Bắn súng									
		Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội	Quý III, IV	1	2	10		10	1	Tuyển 1, 2, 3 Nội dung Đĩa bay nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ thuật chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
		Đà Nẵng	Quý II	1	3	25		15	1	Tuyển 1, 2, 3 Nội dung Súng trường, súng ngắn nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ thuật chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
		Đà Nẵng/ Hải Phòng	Quý III	1	2	16		15	1	Tuyển 1, 2, 3 Nội dung Súng trường di động nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ thuật chuẩn bị giải Vô địch trẻ toàn quốc.
		Quảng Ninh/ Hải Phòng	Quý III	1	3	25		15	1	Tuyển 1, 2, 3 các nhóm nội dung nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ thuật chuẩn bị giải Vô địch trẻ toàn quốc.
3	Bi sắt									
		Nghệ An/ Đà Nẵng/ Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý I, II		4	20		30	1	Tuyển 1, 2, 3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ thuật chuẩn bị giải Vô địch quốc gia
		TP. HCM/ Bình Dương/ Cần Thơ	Quý I, II		4	20		30	4	Tuyển 1, 2, 3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ thuật chuẩn bị giải Vô địch quốc gia
		Bà Rịa - Vũng Tàu/ Nghệ An/ Cần Thơ	Quý II, III		4	24		30	2	Tuyển 2, 3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ thuật chuẩn bị giải Vô địch trẻ thiếu niên quốc gia
		Nghệ An/ Đà Nẵng/ Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý III, IV		4	20		30	3	Tuyển 1, 2, 3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ thuật chuẩn bị giải Vô địch đồng đội quốc gia

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Mục đích
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch			
		TP. HCM/ Bình Dương/ Cần Thơ	Quý III, IV		4	20		30	5	Tuyển 1, 2,3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ thuật chuẩn bị giải Vô địch đồng đội quốc gia
4	Billiards & Snooker									
		Hải Phòng/ Quảng Ninh	Quý I, II		4	20		15	1	Tuyển 1, 2,3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ thuật chuẩn bị giải Vô địch quốc gia vòng 1
		Hải Phòng/ Quảng Ninh	Quý II, III		4	20		15	2	Tuyển 1, 2,3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ thuật chuẩn bị giải Vô địch quốc gia vòng chung kết
5	Bóng bàn									
		Hải Dương/ Khánh Hòa/ Đà Nẵng	Quý I		9	30		90	2	Tuyển 1, 2 tập huấn mùa đông, tăng cường thể lực
		Hải Dương/ Khánh Hòa/ Đà Nẵng	Quý II		9	55		90	1	Tuyển 1, 2, 3 tập huấn chuẩn bị giải Vô địch, Vô địch trẻ, thiếu niên, nhi đồng quốc gia
		Hải Dương/ Khánh Hòa/ Đà Nẵng	Quý III		9	55		90	3	Tuyển 1, 2, 3 tập huấn chuẩn bị giải Vô địch các cây vợt xuất sắc, xuất sắc trẻ, thiếu niên, nhi đồng quốc gia
6	Bóng chuyền - Bóng rổ									
*	Bóng chuyền									
		Ninh Bình	Quý I, II		3	15		25	1	Tuyển 1 đội tuyển nam nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn chuẩn bị chuyên môn trước vòng 1 giải Vô địch quốc gia
		Thái Nguyên	Quý I, II		3	15		25	1	Tuyển 1 đội tuyển nữ nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn chuẩn bị chuyên môn trước vòng 1 giải Vô địch quốc gia
		Hải Dương	Quý II, III		6	30		25	1	Tuyển 1, 2 đội tuyển nam, nữ nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn trước giải Vô địch trẻ quốc gia
		Bắc Ninh	Quý II, III		6	30		25	1	Tuyển 1, 2 đội tuyển trẻ nam nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn trước giải Cúp CLB
		Khánh Hòa	Quý III, IV		6	30		25	1	Tuyển 1, 2 đội tuyển nam nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn trước giải Vô địch quốc gia
*	Bóng rổ									
		Bắc Ninh/ Quảng Ninh	Quý III, IV	1	6	28		25	1	Tuyển 1, 2 tích lũy thể lực, nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị giải Vô địch quốc gia
		Bắc Ninh/ Quảng Ninh	Quý I, II	1	8	30		25	3	Tuyển 1, 2 tích lũy thể lực, nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị giải Vô địch U23 quốc gia

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Mục đích
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch			
		Đà Nẵng/ TP. HCM/ Bắc Ninh	Quý II, III	1	6	30		25	2	Tuyển 1, 2, 3 tích lũy thể lực, nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị giải Vô địch trẻ quốc gia
		Hà Nội/ TP. HCM	Quý IV		5	5		10	4	Tập huấn Trọng tài, Huấn luyện viên
7	Bóng đá									
		Hà Nam	Quý III	1	7	25	1	21	1	Đội nữ I lượt đi giải Vô địch nữ quốc gia. Làm quen sân và khí hậu tại địa điểm thi đấu
		Hà Nam	Quý III	1	7	25	1	7	2	Đội nữ II lượt đi giải Vô địch nữ quốc gia. Làm quen sân và khí hậu tại địa điểm thi đấu
		TP. HCM	Quý III	1	7	25	1	15	1	Đội nữ I lượt về giải Vô địch nữ quốc gia. Làm quen sân và khí hậu tại địa điểm thi đấu
		TP. HCM	Quý III	1	7	25	1	7	2	Đội nữ II lượt về giải Vô địch quốc gia. Làm quen sân và khí hậu tại địa điểm thi đấu
		Hà Nam	Quý I		7	25	1	7	3	Lượt đi giải Vô địch U19 nữ quốc gia. Làm quen sân và khí hậu tại địa điểm thi đấu
		Hà Nam	Quý I		7	25	1	7	3	Lượt về giải Vô địch U19 nữ quốc gia. Làm quen sân và khí hậu tại địa điểm thi đấu
		Hà Nội	Quý II		6	25		7	4	Lượt đi giải Vô địch U16 nữ quốc gia. Làm quen sân và khí hậu tại địa điểm thi đấu
		Hà Nội	Quý II		6	25		7	4	Lượt về giải Vô địch U16 nữ quốc gia. Làm quen sân và khí hậu tại địa điểm thi đấu
		Thái Bình	Quý III		4	20		5	4	Vòng loại U11 nam toàn quốc. Làm quen sân và khí hậu tại địa điểm thi đấu
		Thái Bình	Quý III		5	25		5	4	Vòng loại U13 nam toàn quốc. Làm quen sân và khí hậu tại địa điểm thi đấu
		Khánh Hòa	Quý III		4	20		5	4	Vòng chung kết U11 nam toàn quốc. Làm quen sân và khí hậu tại địa điểm thi đấu
		Khánh Hòa	Quý III		5	25		5	4	Vòng chung kết U13 nam toàn quốc. Làm quen sân và khí hậu tại địa điểm thi đấu
		Hà Nam	Quý II		7	25	1	8	5	Đội nữ I lượt đi giải Vô địch Cúp quốc gia. Làm quen sân và khí hậu tại địa điểm thi đấu

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Mục đích
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch			
		Hà Nam	Quý II		6	25	1	8	5	Đội nữ II lượt đi giải Vô địch Cúp quốc gia. Làm quen sân và khí hậu tại địa điểm thi đấu
8	Bóng ném - Bóng gỗ									
		Đà Nẵng	Quý II, III		4	14		15	1	Tuyển 1, 2 đội nữ chuẩn bị nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị giải Vô địch bãi biển quốc gia
		Đà Nẵng	Quý II, III		3	16		15	2	Tuyển 1, 2 đội nam chuẩn bị nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị giải Vô địch trẻ quốc gia
		Bắc Ninh/ TP. HCM	Quý III, IV		10			15		Nâng cao trình độ chuyên môn HLV
9	Boxing nam - Kichboxing - Muay									
*	Boxing nam									
		TP. HCM	Quý II	1	5	20		60	1	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch các đội mạnh toàn quốc
		Đà Nẵng	Quý II, III	1	5	25		60	2	Tuyển 2, 3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch trẻ toàn quốc
		TP. HCM	Quý III, IV	1	5	20		45		Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch toàn quốc
		TP. HCM	Quý I-IV		2			10	3	Tập huấn trọng tài quốc gia, quốc tế
		TP. HCM	Quý I-IV		4			10	4	Tập huấn HLV nâng cao trình độ chuyên môn
*	Kickboxing									
		Nghệ An	Quý I, II	1	3	25		25	1	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch quốc CLB gia
		Ninh Thuận	Quý II, III	1	3	30		25	2	Tuyển 1, 2, 3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch trẻ quốc gia
		Miền Nam	Quý I-IV		6					Tập huấn trọng tài, HLV quốc gia

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Mục đích
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch			
*	Muay									
		Thanh Hóa	Quý I, II	1	3	30		25	1	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch CLB quốc gia
		Đồng Nai	Quý II, III	1	3	30		25	2	Tuyển 1, 2, 3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch trẻ quốc gia
		Miền Nam	Quý I-IV		6				3	Tập huấn trọng tài, HLV quốc gia
10	Boxing nữ									
		TP. HCM/ Đà Nẵng	Quý II		2	18		30	1	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật cho VĐV
		Đắk Lắk	Quý II		5			10	3	Tập huấn Trọng tài
		TP. HCM	Quý III		5			10	3	Tập huấn Huấn luyện viên
11	Cầu lông									
		Bắc Giang/ Ninh Bình/ Quảng Ninh/ Đà Nẵng	Quý I-IV	1	3	20		25	1	Tuyển 1, 2, 3 tích lũy thể lực, kỹ chiến thuật và tạo hưng phấn cho VĐV trước Giải vô địch đồng đội quốc gia
		Bắc Giang/ Ninh Bình/ Quảng Ninh/ Đà Nẵng	Quý I-IV	1	3	20		25	2	Tuyển 1, 2, 3 tích lũy thể lực, kỹ chiến thuật và tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
12	Cầu mây									
		Sóc Trăng	Quý I	1	3	20	1	15	1	Tuyển 1, 2, 3 Nâng cao trình độ chuyên môn, chuẩn bị giải Vô địch quốc gia
		Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý II	1	3	24	1	15	3	Tuyển 2, 3 Nâng cao trình độ, chuẩn bị giải Vô địch bãi biển quốc gia
		Bắc Giang	Quý II	1	2	20	1	15	2	Tuyển 1, 2, 3 (Đội nữ) Nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị giải Vô địch trẻ quốc gia
		Sóc Trăng	Quý IV	1	3	25	1	29	4	Tuyển 1, 2, 3 (Đội nam) Nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị giải thi đấu năm tiếp theo
13	Cử tạ									
		Đà Nẵng/ Hải Phòng/ Lào Cai/ TP. HCM/ Thanh Hóa	Quý I, II	1	2	25		30	1	Tuyển 1,2,3 tích lũy thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch thanh thiếu niên quốc gia

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Mục đích
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch			
		Đà Nẵng/ Hải Phòng/ Lào Cai/ TP. HCM/ Thanh Hóa	Quý II, III	1	2	20		30	2	Tuyển 1,2,3 tích lũy thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch trẻ quốc gia
		Đà Nẵng/ Hải Phòng/ Lào Cai/ TP. HCM/ Thanh Hóa	Quý III, IV	1	2	20		30	3	Tuyển 1,2,3 tích lũy thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch quốc gia
14	Đá cầu									
		Thừa Thiên Huế	Quý II, III	2	4	30		20	2	Tuyển 1,2,3 tích lũy thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch trẻ quốc gia
		Bắc Giang	Quý III, IV	2	2	24		20	1	Tuyển 1,2,3 tích lũy thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch quốc gia
15	Điền kinh									
		Phú Quốc	Quý I	1	2	10		20		Chuẩn bị giải Vô địch Việt Dã báo Tiền Phong
		Quảng Ninh/ Phú Yên/ Hòa Bình/ Hải Phòng	Quý I, II	1	3	25		30		Tổ trung bình và đi bộ nâng cao thể lực, ổn định tâm lý và tạo điều kiện hưng phấn trong tập luyện cho VĐV
		Bắc Ninh/ Quảng Ninh/ Khánh Hòa	Quý I	1	3	15		30		Tổ nhảy nâng cao thể lực, ổn định tâm lý và tạo điều kiện hưng phấn trong tập luyện cho VĐV chuẩn bị cho giải lứa tuổi trẻ QG
		Bắc Ninh/ Hòa Bình/ Quảng Ninh	Quý II	1	5	35		30		Tổ nhảy nâng cao thể lực, ổn định tâm lý và tạo điều kiện hưng phấn trong tập luyện cho VĐV chuẩn bị cho giải trẻ QG
		Bắc Ninh/ Hòa Bình/ Quảng Ninh	Quý II, III	1	5	35		30		Tổ nhảy nâng cao thể lực, ổn định tâm lý và tạo điều kiện hưng phấn trong tập luyện cho VĐV chuẩn bị cho giải QG
		Bắc Ninh/ Hòa Bình/ Quảng Ninh/ Đà Nẵng	Quý II	1	5	35		30		Tổ chạy ngắn nâng cao thể lực, ổn định tâm lý và tạo điều kiện hưng phấn trong tập luyện cho VĐV
		Bắc Ninh/ Hòa Bình/ Quảng Ninh/ Đà Nẵng	Quý II	1	5	35		30		Tổ chạy ngắn nâng cao thể lực, ổn định tâm lý và tạo điều kiện hưng phấn trong tập luyện cho VĐV chuẩn bị cho giải VĐ các lứa tuổi trẻ QG
		Bắc Ninh/ Hòa Bình/ Quảng Ninh/ Đà Nẵng	Quý II	1	5	35		30		Tổ chạy ngắn nâng cao thể lực, ổn định tâm lý và tạo điều kiện hưng phấn trong tập luyện cho VĐV chuẩn bị cho giải trẻ QG
		Bắc Ninh/ Hòa Bình/ Quảng Ninh/ Đà Nẵng	Quý IV	1	5	35		30		Tổ chạy ngắn nâng cao thể lực, ổn định tâm lý và tạo điều kiện hưng phấn trong tập luyện cho VĐV chuẩn bị giải VĐQG

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Mục đích
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch			
		Bắc Ninh/ Hòa Bình/ Quảng Ninh	Quý IV	1	5	35		30		Tổ chạy ngắn tập huấn mùa đông chuẩn bị thể lực cho năm tới
		Quảng Ninh/ Bắc Ninh/ Hòa Bình/ Hải Phòng	Quý I, II	1	3	25		30		Tổ trung bình và đi bộ nâng cao thể lực, ổn định tâm lý và tạo điều kiện hưng phấn trong tập luyện cho VĐV chuẩn bị cho giải VĐ các lứa tuổi trẻ QG
		Quảng Ninh/ Bắc Ninh/ Hòa Bình/ Hải Phòng	Quý II, III	1	3	25		30		Tổ trung bình và đi bộ nâng cao thể lực, ổn định tâm lý và tạo điều kiện hưng phấn trong tập luyện cho VĐV chuẩn bị cho giải VĐ trẻ QG
		Quảng Ninh/ Bắc Ninh/ Hòa Bình/ Hải Phòng	Quý III, IV	1	3	30		30		Tổ trung bình, đi bộ, rào và các môn phối hợp nâng cao thể lực, ổn định tâm lý và tạo điều kiện hưng phấn trong tập luyện cho VĐV chuẩn bị cho giải VĐQG
		Quảng Ninh/ Bắc Ninh/ Hòa Bình/ Hải Phòng	Quý III, IV	1	5	40		30		Tổ trung bình, đi bộ, rào và các môn phối hợp tập huấn mùa đông chuẩn bị thể lực cho năm tới
		Đà Nẵng/ Quảng Ninh	Quý I-IV	1	10			5		Tập huấn HLV
		Khánh Hòa/ Đồng Nai	Quý I-IV	1	10			5		Tập huấn trọng tài
16	Đua thuyền									
		Hải Phòng	Quý I, II		5	20		30	2	Tuyển 1, 2 tập huấn trước giải Đua thuyền Rowing vô địch các đội mạnh quốc gia để các VĐV làm quen môi trường địa điểm, thời tiết, khí hậu tại địa điểm thi đấu
		Hải Phòng	Quý I, II		5	20		30	2	Tuyển 1, 2 tập huấn trước giải Đua thuyền Canoeing vô địch các đội mạnh quốc gia để các VĐV làm quen môi trường địa điểm, thời tiết, khí hậu tại địa điểm thi đấu
		Hải Phòng	Quý III, IV		5	25		30	1	Tuyển 1, 2 tập huấn trước giải Đua thuyền Canoeing vô địch quốc gia để các VĐV làm quen môi trường địa điểm, thời tiết, khí hậu tại địa điểm thi đấu
		Hải Phòng	Quý III, IV		5	23		30	1	Tuyển 1, 2 tập huấn trước giải Đua thuyền Rowing vô địch quốc gia để các VĐV làm quen môi trường địa điểm, thời tiết, khí hậu tại địa điểm thi đấu
17	Golf - Bowling									
*	Golf									
		Sân Golf FLC	Quý II	1	4	40		29	1	Tuyển 1, 2, 3 tập huấn chuẩn bị cho các giải: Vô địch, Vô địch trẻ quốc gia.
		Sân Golf FLC	Quý III	1	4	27		29	2	Tuyển 1, 2 tập huấn chuẩn bị cho các Vô địch quốc gia.

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Mục đích
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch			
*	Bowling									
		Khánh Hòa	Quý I, II	1	2	31		15	1	Tuyển 1, 2 tích lũy thể lực và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị giải thi đấu quốc gia
		Đà Nẵng	Quý I		3	3		10	2	Tập huấn trọng tài
		TP. HCM	Quý IV		3	3		10	2	Tập huấn huấn luyện viên
18	Judo - Jujitsu									
*	Judo									
		TP. HCM	Quý I-II	1	2	6		30	1	Tuyển 1, 2 nội dung biểu diễn nâng cao thể lực, hoàn thiện kỹ thuật chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch trẻ quốc gia
		Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội	Quý I-III		2	14		30	2	Tuyển 1, 2, 3 nội dung đối kháng nâng cao thể lực, hoàn thiện kỹ thuật chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV
		Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia TP. HCM	Quý III	1	2	6		30	2	Tuyển 1, 2 nội dung biểu diễn nâng cao thể lực, hoàn thiện kỹ thuật chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch, Vô địch trẻ quốc gia
		Thanh Hóa/ Bình Thuận	Quý II-III	1	5	30		30	1	Tuyển 1, 2, 3 nội dung đối kháng nâng cao thể lực, hoàn thiện kỹ thuật chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV
		Bà Rịa - Vũng Tàu/ TP.HCM	Quý I-IV		5			7	3	Tập huấn HLV, trọng tài quốc gia
*	Jujitsu									
		Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội	Quý I-IV	1	1	6		200	1	VĐV trọng điểm tập luyện với các VĐV đội tuyển quốc gia để nâng cao trình độ chuyên môn
		TP. HCM	Quý III, IV	1	2	11		30	1	Tuyển 1, 2, 3 chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
		Vĩnh Phúc	Quý I, II	1	2	11		30	1	Tuyển 1, 2, 3 chuẩn bị các giải Vô địch quốc gia
		Bắc Giang	Quý III, IV	1	2	4		30	2	VĐV trọng điểm tập luyện nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
		Cần Thơ	Quý I-IV		5			7	3	Tập huấn HLV, trọng tài quốc gia
*	Kurash									
		Bà Rịa - Vũng Tàu/ TP.HCM	Quý I-IV		5			7	3	Tập huấn HLV, trọng tài quốc gia
19	Karate									
		Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý III	1	8	60		20	3	Tuyển 1, 2, 3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Mục đích
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch			
		Đà Nẵng	Quý III	1	8	65		20	2	Tuyển 1, 2, 3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
		Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội	Quý I-III		1	5		270	1	Tuyển 1, 2 tập luyện với các VĐV đội tuyển quốc gia để nâng cao trình độ chuyên môn
20	Kiểm quốc tế									
		Vĩnh Phúc/ Hải Phòng/ Bắc Ninh/ Quảng Ninh/ Thanh Hóa	Quý I, II	1	3	30		45	3	Tuyển 1, 2 nội dung Kiểm liểu tích lũy thể lực cho các VĐV có thành tích chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia và quốc tế
		Vĩnh Phúc/ Hải Phòng/ Bắc Ninh/ Quảng Ninh/ Thanh Hóa	Quý I, II	1	3	30		45	3	Tuyển 1, 2 nội dung Kiểm chém tích lũy thể lực cho các VĐV có thành tích chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia và quốc tế
		Vĩnh Phúc/ Hải Phòng/ Bắc Ninh/ Quảng Ninh/ Thanh Hóa	Quý I, II	1	3	30		45	3	Tuyển 1, 2 nội dung Kiểm ba cạnh tích lũy thể lực cho các VĐV có thành tích chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia và quốc tế
		Vĩnh Phúc/ Hải Phòng/ Bắc Ninh/ Quảng Ninh/ Thanh Hóa	Quý I-IV	1	6	45		45	2	Tuyển 1, 2, 3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia
		Vĩnh Phúc/ Hải Phòng/ Bắc Ninh/ Quảng Ninh/ Thanh Hóa	Quý IV	1	6	45		60	1	Tuyển 1, 2, 3 tập huấn mùa đông nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn
21	Khiêu vũ thể thao									
		Quảng Ninh	Quý II		1	32		15	1	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị tham dự Vô địch, Vô địch trẻ quốc gia
22	Pencak Silat									
		Vĩnh Phúc	Quý I		4	31		30	1	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị tham dự các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
		Bắc Ninh	Quý II, III		4	40		30	2	Tuyển 1, 2, 3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị tham dự các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
		Vĩnh Phúc	Quý III		4	31		30	3	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Mục đích
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch			
23	Taekwondo									
		Thanh Hóa	Quý I, II		2	30		30	1	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật nội dung đối kháng
		Thanh Hóa	Quý III, IV		2	30		30	3	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật nội dung đối kháng
		TP. HCM	Quý II, III		2	15		30	2	Tuyển 1, 2 cập nhật kỹ thuật sửa đổi nội dung quyền
		Các tỉnh miền Trung	Quý I-IV		10	5		10	4	Tập huấn thi trọng tài và HLV quốc gia
		Các tỉnh miền Nam	Quý I-IV		10	5		10	5	Tập huấn thi trọng tài và HLV quốc gia
24	Quần vợt									
		Hà Nội/ TP. HCM/ địa điểm tổ chức lớp tập huấn	Quý II, III		3			7	1	Tập huấn HLV quốc gia
25	Thể thao dưới nước									
*	Bơi									
		Thừa Thiên Huế	Quý I		4	18		5	2	Tuyển 1, 2, 3 tích lũy thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị giải Vô địch quốc gia bể 25m
		Tiền Giang	Quý II		4	24		7	4	Tuyển 1, 2, 3 tích lũy thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị giải Vô địch các nhóm tuổi quốc gia
		Đà Nẵng	Quý III		4	20		10	3	Tuyển 1, 2, 3 tích lũy thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị giải Vô địch trẻ quốc gia
		TP. HCM	Quý IV		5	19		20	1	Tuyển 1, 2, 3 tích lũy thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị giải Vô địch quốc gia
		Tiền Giang	Quý IV		4	17		15	5	Tuyển 1, 2, 3 tích lũy thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị giải các VĐV xuất sắc quốc gia
*	Nhảy cầu									
		Quảng Ninh	Quý IV	1	5	24		25	1	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị giải Vô địch CLB quốc gia
26	Thể dục									
*	Dụng cụ									
		Vĩnh Phúc	Quý I-IV	1	11	36		15	2	Tuyển 1, 2, 3 tích lũy thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Mục đích
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch			
		Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Hà Nội	Quý I-IV		4	10		366	1	Tuyển 2, 3 tập luyện tiếp cận với các VĐV đỉnh cao để học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn
		Hà Nội/ TP. HCM/ địa điểm tổ chức lớp tập huấn	Quý I-IV		9	5		15	3	Tham dự lớp học Trọng tài, Huấn luyện viên
*	Aerobic									
		Vĩnh Phúc	Quý I-IV	1	5	25		15	1	Tuyển 1, 2, 3 tích lũy thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV
		Hà Nội/ TP. HCM/ địa điểm tổ chức lớp tập huấn	Quý I-IV		5	5		15	2	Tham dự lớp học Trọng tài, Huấn luyện viên
*	Nghệ thuật									
		Vĩnh Phúc	Quý I-IV	1	4	20		15	1	Tuyển 1, 2, 3 tích lũy thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV
		Hà Nội/ TP. HCM/ địa điểm tổ chức lớp tập huấn	Quý I-IV		4	5		15	2	Tham dự lớp học Trọng tài, Huấn luyện viên
27	Thể dục thể hình									
		Đà Nẵng	Quý III, IV	2	4	12		15	1	Tuyển 1 tích lũy thể lực chung, thể lực chuyên môn chuẩn bị giải Vô địch quốc gia
28	Vật									
		Bắc Giang	Quý I-II	1	7	50		30	2	Tuyển 2, 3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị cho giải các lứa tuổi trẻ quốc gia
		Bắc Ninh	Quý III	1	4	30		30	1	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị Vô địch trẻ quốc gia
		Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Hà Nội	Quý IV	1	5	40		30	1	Tuyển 1, 2 tập luyện với đội tuyển quốc gia nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị giải Vô địch quốc gia
		Hà Nội	Quý I-IV		15			10	3	Nâng cao trình độ cho trọng tài
		Hà Nội	Quý I-IV		15			10	4	Nâng cao trình độ cho HLV
29	Võ cổ truyền -Vovinam									
*	Võ cổ truyền									
		Thanh Hóa	Quý II		7	25		20	1	Tuyển 1, 2, 3 nâng cao thể lực chuyên môn, hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị Vô địch trẻ toàn quốc
		Hà Nội/ TP. HCM/ địa điểm tổ chức lớp tập huấn	Quý I-IV		6	10		15	3	HLV, VĐV tuyển 1 nắm bắt chuyên môn chuẩn hóa bài

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Mục đích
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch			
		Hà Nội/ TP. HCM/ địa điểm tổ chức lớp tập huấn	Quý I-IV		6	10		15	2	HLV, VĐV tuyển 1 năm bắt chuyên môn chuẩn hóa bài
*	Vovinam									
		Thanh Hóa	Quý II, III		4	30		15	2	Tuyển 1, 2, 3 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn, hoàn thiện kỹ chiến thuật cho VĐV trẻ
		TP. HCM	Quý II, III		4	20		15	1	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn, hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị giải Vô địch quốc gia
30	Xe đạp									
*	Đường trường									
		Hòa Bình/ Đà Nẵng	Quý I	1	3	12	1	28	3	Tuyển 1, 2, 3 tích lũy thể lực và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải nam cúp TH TP HCM
		Đà Nẵng	Quý II	1	3	20	1	28	1	Tuyển 1, 2, 3 tích lũy thể lực và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch trẻ quốc gia
		Hòa Bình/ Đà Nẵng	Quý III	1	4	16	1	28	2	Tuyển 1, 2 tích lũy thể lực và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch quốc gia
		Hòa Bình	Quý IV	1	3	12	1	25	4	Tuyển 1, 2 tích lũy thể lực và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Xe đạp quốc tế Bình Dương
*	Địa hình									
		Hòa Bình	Quý II	1	2	10	1	25	3	Tuyển 1, 2 tích lũy thể lực và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Về Trường Sơn - Báo Quân đội nhân dân
		Sơn La	Quý II, III	1	3	16	1	28	1	Tuyển 1, 2, 3 tích lũy thể lực và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch trẻ quốc gia
		Hòa Bình	Quý III	1	3	15	1	28	2	Tuyển 1, 2 tích lũy thể lực và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch quốc gia
		Đà Nẵng	Quý IV	1	3	15	1	25	4	Tuyển 1, 2 tích lũy thể lực và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Nam Kỳ Khởi Nghĩa

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Mục đích
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch			
31	Wushu									
		Lạng Sơn	Quý I, II		18	47		15	1	Tuyển 1, 2, 3 nâng cao thể lực và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị giải Vô địch quốc gia và các giải trong nước, quốc tế
		Thanh Hóa	Quý III		21	64		15	2	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực và hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị giải Vô địch trẻ quốc gia và các giải quốc tế
		Quảng Ninh	Quý III, IV		18	47		15	1	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực, hoàn thiện kỹ chiến thuật và thay đổi môi trường tập luyện tạo hưng phấn cho VĐV chuẩn bị giải Vô địch các đội mạnh quốc gia và các giải quốc tế
		Tổng cộng		84	766	3432	23			

KẾ HOẠCH ĐI TẬP HUẤN QUỐC TẾ

(Kèm theo Kế hoạch số 30 /KH-SVHTT ngày 12 tháng 04 năm 2024 của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội)

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Số lượng thuê chuyên gia	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VDV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch					
1	Bắn cung											
		Hàn Quốc/ Thái Lan	Quý I,II	2	3	15	1	28		1	Tuyển 1, 2 nội dung Cung 1 dây tiếp cận với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ tiêu chuẩn quốc tế và phương pháp huấn luyện hiện đại chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
				2	3	15		28			Tuyển 1, 2 nội dung Cung 3 dây tiếp cận với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ tiêu chuẩn quốc tế và phương pháp huấn luyện hiện đại chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Hàn Quốc/ Thái Lan	Quý III,IV	2	3	15	1	28		1	Tuyển 1, 2 nội dung Cung 1 dây tiếp cận với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ tiêu chuẩn quốc tế và phương pháp huấn luyện hiện đại chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
				2	3	15		28			Tuyển 1, 2 nội dung Cung 3 dây tiếp cận với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ tiêu chuẩn quốc tế và phương pháp huấn luyện hiện đại chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
2	Bắn súng											
		Thái Lan/ Hàn Quốc	Quý II, III	1	3	15		20	1		Tuyển 1, 2, 3 nội dung Súng trường tiếp cận với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ tiêu chuẩn quốc tế và phương pháp huấn luyện hiện đại để nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Thái Lan/ Hàn Quốc	Quý III	1	3	15		20	1		Tuyển 1, 2, 3 nội dung Súng ngắn tiếp cận với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ tiêu chuẩn quốc tế và phương pháp huấn luyện hiện đại chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Thái Lan/ Hàn Quốc	Quý II, III	1	2	12		30	1		Tuyển 1, 2, 3 nội dung Đĩa bay tiếp cận với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ tiêu chuẩn quốc tế và phương pháp huấn luyện hiện đại chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Thái Lan/ Hàn Quốc	Quý III	1	2	15		20	1		Tuyển 1, 2, 3 nội dung Di động tiếp cận với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ tiêu chuẩn quốc tế và phương pháp huấn luyện hiện đại chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Thái Lan/ Hàn Quốc	Quý II	1	4	20		20	2		Tuyển 1, 2, 3 các nội dung tiếp cận với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ tiêu chuẩn quốc tế và phương pháp huấn luyện hiện đại chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
3	Bi sắt											
		Thái Lan	Quý I-II		4	16		60	1		Tuyển 1, 2, 3 hoàn thiện các kỹ thuật mới, khó và tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại chuẩn bị giải Vô địch quốc gia	
		Thái Lan	Quý III-IV		4	16		29	2		Tuyển 1, 2, 3 hoàn thiện các kỹ thuật mới, khó và tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại chuẩn bị Vô địch đồng đội quốc gia	
4	Bóng bàn											
		Trung Quốc	Quý I-II		4	14		40	1		Tuyển 1, 2, 3 hoàn thiện các kỹ thuật mới, khó và tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để nâng cao thể lực, trình độ chuyên môn	
		Trung Quốc/ Malaysia/ Thái Lan	Quý III-IV		4	14		40	1		Tuyển 1, 2, 3 hoàn thiện các kỹ thuật mới, khó và tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để nâng cao thể lực, trình độ chuyên môn	
		Trung Quốc	Quý I-IV		3	6		306	2		Tuyển 1, 2, 3 tập huấn dài hạn để hoàn thiện các kỹ thuật mới, khó, tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại nâng cao trình độ chuyên môn.	Kinh phí XHH

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Số lượng thuê chuyên gia	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch					
5	Bóng ném											
		Hàn Quốc	Quý III		3	16		20	1		Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn, tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại chuẩn bị giải Vô địch quốc gia	
6	Golf - Bowling											
*	Golf											
		Thái Lan/ Mỹ	Quý IV	1	1	5		29		1	Tuyển 1 Nâng cao trình độ chuyên môn về luật và kỹ thuật thi đấu	
*	Bowling											
		Thái Lan	Quý III	1	2	31		15		1	Tuyển 1,2 tập trung tập huấn chuẩn bị cho các giải; Vô địch quốc gia, nâng cao trình độ chuyên môn về luật và kỹ thuật thi đấu	
7	Boxing nam - Kickboxing - Muay											
*	Boxing nam											
		Thái Lan/ Trung Quốc	Quý III-IV	1	4	16		60	1	1	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn, tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại chuẩn bị giải Vô địch quốc gia	
		Thái Lan/ Trung Quốc	Quý III-IV	1	1	6		150	2	1	Tuyển 1 nâng cao thể lực chung, thể lực chuyên môn, tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại chuẩn bị giải Vô địch quốc gia	
*	Kickboxing											
		Thái Lan	Quý I-II	1	1	15		60	1		Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ chiến thuật chuyên môn cao chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Thái Lan	Quý III-IV	1	1	15		30	2		Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ chiến thuật chuyên môn cao chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
*	Muay											
		Thái Lan	Quý I-II	1	1	15		60	1		Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ chiến thuật chuyên môn cao chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Thái Lan	Quý III-IV	1	1	15		60	2		Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ chiến thuật chuyên môn cao chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
8	Boxing nữ											
		Thái Lan/ Trung Quốc	Quý I-II		2	12		60	1	1	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ chiến thuật chuyên môn cao chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Thái Lan/ Trung Quốc	Quý III-IV		2	12		60	2	1	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ chiến thuật chuyên môn cao chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Thái Lan/ Trung Quốc	Quý III		3			10	3		Tập huấn trọng tài quốc tế	
9	Cầu lông											
		Thái Lan/ Trung Quốc	Quý I-III	1	2	10		30	1		Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực, tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ chiến thuật chuẩn bị giải thi đấu quốc gia	
10	Cầu mây											
		Thái Lan	Quý I-II	1	3	20	1	29	1		Nâng cao trình độ, chuẩn bị lực lượng vdv tham dự giải Vô địch quốc gia, giải Vô địch các đội tuyển xuất sắc	
		Thái Lan	Quý II, III		1	3		120	2		Nâng cao trình độ, chuẩn bị lực lượng vdv tham dự các giải thi đấu năm 2025	
		Thái Lan	Quý IV	1	3	20	1	29	3		Nâng cao trình độ, chuẩn bị lực lượng vdv tham dự các giải thi đấu năm 2025	

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Số lượng thuê chuyên gia	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VDV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch					
11	Cờ											
		Mỹ	Quý II-IV		1	2		45	1	1	Tuyển 1, 2 chuẩn bị Đại hội Thể thao toàn quốc năm 2026, các giải SEA Games, ASIAD tiếp theo	
		Hungary/ UAE	Quý I-IV		1	3		15	1	1	Tuyển 1, 2 Nâng cao trình độ, tăng hệ số Elo Rating, giành chuẩn Đại kiện tướng	
		Singapore/ Malaysia/ Thái Lan	Quý II-IV		1	6		10	2	1	Tuyển 1, 2 Nâng cao trình độ, chuẩn bị lực lượng cho các giải Vô địch trẻ Thế giới	
12	Cử tạ											
		Trung Quốc/ Đài Loan/ Thái Lan	Quý I-II	1	2	14		80	2	1	Tuyển 1, 2 chuẩn bị cho các giải trẻ quốc gia và quốc tế	
		Trung Quốc/ Đài Loan/ Thái Lan	Quý III-IV	1	2	14	1	90	1		Tuyển 1, 2 chuẩn bị giải Vô địch quốc gia và các giải quốc tế nhằm chuẩn bị lực lượng tham dự Đại hội Thể thao toàn quốc năm 2026 năm 2026	
13	Điền kinh											
		Trung Quốc	Quý I, II		3	15		60		1	Tích lũy thể lực chuyên môn, tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu	
		Trung Quốc	Quý II, III		3	15		60		1	Tích lũy thể lực chuyên môn, tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu	
		Trung Quốc	Quý III, IV		3	15		60		1	Tích lũy thể lực chuyên môn, tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu	
14	Đua thuyền											
		Hàn Quốc/ Trung Quốc/ Thái Lan/ Hungary	Quý II-IV		1	1		45		1	Canoeing tuyển 1 tập huấn cùng đội tuyển quốc gia nhằm chuẩn bị thi đấu tích điểm Olympic	
		Hàn Quốc/ Trung Quốc/ Thái Lan/ Hungary	Quý II-IV	1	2	12		45		1	Rowing tuyển 1 nâng cao thể lực, kỹ chiến thuật, tâm lý thi đấu và học hỏi kinh nghiệm huấn luyện, tập luyện từ các nước có nền Đua thuyền Rowing phát triển chuẩn bị các giải thi đấu	
15	Judo - Jujitsu											
*	Judo											
		Trung Quốc/ Hàn Quốc	Quý I-II	1	2	12		45	1		Tuyển 1, 2 tiếp cận phương pháp huấn luyện hiện đại để nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Nhật Bản	Quý III-IV		2			10	1		Tập huấn HLV, Trọng tài quốc tế	
*	Jujitsu											
		Philippines/ Thái Lan/ Hàn Quốc/ Mông Cổ/ Nhật Bản	Quý I-IV	1	1	8		30	1		VDV trọng điểm tiếp cận phương pháp huấn luyện hiện đại để nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Philippines/ Thái Lan/ Hàn Quốc/ Mông Cổ/ Nhật Bản	Quý III-IV	1	1	4		25	1		VDV trọng điểm tiếp cận phương pháp huấn luyện hiện đại để nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Số lượng thuê chuyên gia	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch					
		Philippines/ Thái Lan/ Hàn Quốc/ Mông Cổ/ Nhật Bản	Quý I-IV		2			10			Tập huấn HLV, Trọng tài quốc tế	
*	Kurash											
		Nhật Bản	Quý III-IV		2			10	1		Tập huấn HLV, Trọng tài quốc tế	
16	Karate											
		Nhật Bản	Quý II-III	1	2	10		20	1	1	VĐV trọng điểm tiếp cận phương pháp huấn luyện hiện đại để nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Ý/ Pháp/ Croatia	Quý II-III	1	2	10		15	2	1	VĐV trọng điểm tiếp cận phương pháp huấn luyện hiện đại để nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
17	Kiểm quốc tế											
		Nga/ Hàn Quốc/ Trung Quốc/ Hungary/ Bungary	Quý I-II	1	6	17		30	1	3	Tuyển 1, 2; tập huấn VĐV trẻ trọng điểm	
		Nga/ Hàn Quốc/ Trung Quốc	Quý III	1	6	29		30	2	3	Tuyển 1, 2; tập huấn liên thông chuẩn bị Vô địch quốc gia và SEA Games tiếp theo	
		Nga/ Hàn Quốc/ Trung Quốc	Quý IV	1	6	17		30	2	3	Tuyển 1, 2 Tập huấn mùa đông	
		Nga/ Hàn Quốc/ Trung Quốc	Quý I-IV	1	1	6		60	3	3	Tuyển 1, 2 Tập huấn VĐV Chủ lực và VĐV Trọng điểm chuẩn bị các giải thi đấu	
		Hàn Quốc/ Trung Quốc	Quý I-IV	1	1	6		60	3	3	Tuyển 1, 2 Tập huấn VĐV Chủ lực và VĐV Trọng điểm chuẩn bị các giải thi đấu	
		Hàn Quốc/ Trung Quốc	Quý I-IV	1	1	5		60	3	3	Tuyển 1, 2 Tập huấn VĐV Chủ lực và VĐV Trọng điểm chuẩn bị các giải thi đấu	
		Châu Âu/ Châu Á	Quý I-IV	1	5			9	4		Tập huấn và thi trọng tài quốc tế	
18	Khiêu vũ thể thao											
		Trung Quốc	Quý II		2	10		30	1	2	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để chuẩn bị giải thi đấu quốc gia, quốc tế	Kinh phí: XHH 50%
		Đức	Quý III		2	10		10	3	2	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để chuẩn bị giải thi đấu quốc gia, quốc tế	Kinh phí: XHH 60%
		Ý	Quý III		2	8		15	4	2	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để chuẩn bị giải thi đấu quốc gia, quốc tế	Kinh phí: XHH 70%
		Thái Lan	Quý III		2	8		30	2	2	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để chuẩn bị giải thi đấu quốc gia, quốc tế	Kinh phí: XHH 50%
		Trung Quốc	Quý III		2	8		20	5	2	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để chuẩn bị giải thi đấu quốc gia, quốc tế	Kinh phí: XHH 70%
19	Pencak Silat											
		Indonesia	Quý II-III	1	3	27		30	1	1	Tuyển 1, 2 tiếp cận phương pháp huấn luyện hiện đại để nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Số lượng thuê chuyên gia	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VDV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch					
20	Taekwondo											
		Hàn Quốc/ Trung Quốc	Quý II-III		2	18		30	1	1	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu	
		Hàn Quốc/ Trung Quốc	Quý III-IV		2	18		30	2	1	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu	
		Hàn Quốc	Tháng 2		2	4		10	3		Tuyển 1 tập huấn cùng đội tuyển quốc gia chuẩn bị thi đấu vòng loại Olympic và Olympic trẻ	
		Hàn Quốc	Tháng 7		1	4		10	3		Tuyển 1 chuẩn bị thi đấu Vô địch Châu Á	
		Pháp	Quý I-II		1	4		25	3		Tuyển 1 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu	
		Châu Á	Quý I-IV		6			10	4		Thi trọng tài, HLV quốc tế theo quy định	
21	Quần vợt											
		Thái Lan	Quý II	1	2	4		30	2	1	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu	
		Tây Ban Nha	Quý III-IV	1	2	4		60	1	1	Tuyển 1 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu	
		Châu Á/ Châu Âu/ Châu Mỹ	Quý III-IV		2			10	3		Thi trọng tài, HLV quốc tế	
22	Thể thao dưới nước											
*	Bơi											
		Trung Quốc	Quý I-II	1	1	12		100	2	1	Tuyển 1, 2, 3 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Trung Quốc	Quý III-IV	1	1	12		100	1	1	Tuyển 1, 2, 3 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
*	Lặn											
		Trung Quốc/ Hàn Quốc/ Thái Lan	Quý II-III	1	2	12		45	2	1	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Trung Quốc/ Hàn Quốc/ Thái Lan	Quý III-IV	1	3	15		30	1	1	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
*	Nhảy cầu											
		Trung Quốc/ Thái Lan	Quý II, III	1	3	10		20	2	1	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Trung Quốc/ Thái Lan	Quý III, IV	1	3	10		20	3	1	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Trung Quốc/ Thái Lan	Quý IV	1	3	10		60	1	1	Tuyển 1, 2 tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị giải thi đấu quốc gia, quốc tế	

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số lượng				Số ngày	Thứ tự ưu tiên	Số lượng thuê chuyên gia	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VDV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch					
23	Thể dục											
*	Dụng cụ											
		Trung Quốc/ Hàn Quốc/ Nhật Bản	Quý II-IV	1	2	12		45	1	1	VDV tuyển 1, 2,3 Tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu	
		Châu Âu/ Châu Á	Quý I-IV		5	5		15	2		Tham dự lớp tập huấn trọng tài, huấn luyện viên	
*	Aerobic											
		Pháp	Quý I-IV	1	2	10		30	1	1	VDV tuyển 1, 2. Tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu	
		Châu Âu/ Châu Á	Quý I-IV		5	5		15			Tham dự lớp tập huấn trọng tài, huấn luyện viên	
*	Nghệ thuật											
		Nhật Bản	Quý I-IV	1	2	4		30	1	1	VDV tuyển 1, 2. Tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu	
		Châu Âu/ Châu Á	Quý I-IV		2	2		15	1	1, 2	Tham dự lớp tập huấn trọng tài, huấn luyện viên	
24	Vật											
		Trung Quốc/ Hàn Quốc	Quý II-III	1	4	30		30	1	3	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chuyên môn, tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Trung Quốc/ Hàn Quốc	Quý II-III	1	3	15		60	3	1	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chuyên môn, tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Trung Quốc/ Hàn Quốc	Quý III-IV	1	4	30		30	2	3	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chuyên môn, tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
25	Wushu											
		Trung Quốc	Quý II-IV		3	32		60	1	3	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chuyên môn, tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Trung Quốc	Quý III-IV		3	32		60	1	3	Tuyển 1, 2 nâng cao thể lực chuyên môn, tiếp cận với phương pháp huấn luyện hiện đại để hoàn thiện kỹ thuật mới, khó nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế	
		Tổng cộng		55	219	1020	5			75		

KẾ HOẠCH ĐI THI ĐẤU TRONG NƯỚC THUỘC HỆ THỐNG QUỐC GIA

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SVHTT ngày tháng năm của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội)

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
1	Bắn cung											
	Vô địch Cung thủ xuất sắc quốc gia	Thừa Thiên Huế	Quý II	2	10	30	1	13	9V, 9B, 7Đ	3	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn và tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch trẻ quốc gia	Hải Dương	Quý III	2	10	30	1	13	9V, 8B, 7Đ	2	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn và tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch quốc gia	Vĩnh Phúc	Quý IV	2	10	30	1	13	9V, 8B, 7Đ	1	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn và tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch các đội mạnh toàn quốc	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý III	2	10	30	1	13	9V, 8B, 7Đ	4	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn và tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
2	Bắn súng											
	Vô địch Súng hơi quốc gia	Quảng Ninh	Quý II	1	10	36	1	12	5V, 5B, 6Đ	6	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các đội mạnh quốc gia	Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Đà Nẵng	Quý II	1	12	45	1	12	5V, 6B, 6Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các nhóm tuổi thanh thiếu niên quốc gia	Đắk Lắk	Quý III	1	11	35	1	12	5V, 5B, 6Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ quốc gia	TP. HCM	Quý III	2	12	45	1	12	5V, 5B, 5Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch Tay súng xuất sắc quốc gia	Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Hà Nội	Quý III	1	10	35	1	12	5V, 5B, 5Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia	Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Hà Nội	Quý IV	2	12	45	1	12	10V, 6B, 8Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
3	Bí sắt											
	Vô địch quốc gia	Nghệ An	Quý II	2	4	16		13	1V	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ, thiếu niên quốc gia	Sóc Trăng	Quý III	2	4	24		13	2V	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch đồng đội quốc gia	Hà Nội	Quý IV	2	4	16		13	1V	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
4	Billiards - Snooker											
	Vô địch quốc gia vòng 1	Quảng Ngãi	Quý I	2	7	37		14	2B, 2Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, tuyển chọn VĐV chuẩn bị Vòng Chung kết	
	Vô địch quốc gia vòng Chung kết	Quảng Ngãi	Quý II	2	7	32		14	2V, 1B, 3Đ	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VDV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
5	Bóng bàn											
	Vô địch quốc gia	Đắk Lắk/ Cao Bằng	Quý II	2	5	20		12	1V, 1B, 2Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch trẻ, thiếu niên, nhi đồng quốc gia	Đà Nẵng/ Lào Cai	Quý II	2	9	45		14	3V, 2B, 3Đ	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, tuyển chọn VDV vào đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch các đội mạnh quốc gia	Tây Ninh/ Cao Bằng	Quý IV	1	5	20		12	1V, 2Đ	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
	Các cây vợt xuất sắc quốc gia	TP. HCM/ Khánh Hòa	Quý IV	1	4	12		10	1B, 1Đ	4	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
	Các cây vợt xuất sắc trẻ, thiếu niên, nhi đồng quốc gia	Thừa Thiên Huế/ Phú Yên	Quý III	1	6	20		10	2V, 2B, 2Đ	5	Phần đầu giành thành tích cao nhất, tuyển chọn VDV vào đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch các CLB quốc gia	Nghệ An/ Tuyên Quang	Quý III	1	4	10		10		6	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
6	Bóng chuyền - Bóng rổ											
*	Bóng chuyền											
	Vô địch quốc gia (Vòng 1)	Bình Phước - Hà Tĩnh	Quý I, II		6	28		15		1	Phần đầu giành thành tích cao nhất	
	Hạng A quốc gia (Vòng bảng)	Nam Định	Quý II		6	28		15		6	Phần đầu giành thành tích cao nhất	
	Vô địch trẻ quốc gia	Quảng Trị	Quý II		6	28		18	1Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các Cúp quốc gia	Quảng Nam	Quý III		6	28		15	1Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch U23 quốc gia	Bắc Kạn	Quý III		6	28		15	1Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Hạng A quốc gia (Vòng chung kết)	Trà Vinh	Quý IV		3	14		15	1Đ	7	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia (Vòng chung kết)	Lào Cai Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý IV		6	28		15		2	Phần đầu giành thành tích cao nhất	
*	Bóng rổ											
	Vô địch, Vô địch U23 quốc gia (nội dung 3x3)	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý I	2	7	24		13	3Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch U23 quốc gia (nội dung 5x5)	Đà Nẵng/ Thừa Thiên Huế	Quý II	2	7	32		13	1V, 1B, 1Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch U20 quốc gia (nội dung 5x5)	Hậu Giang/ Bình Thuận	Quý II	2	7	32		13	2Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch U16 quốc gia (nội dung 5x5)	Quảng Ngãi	Quý II	2	7	32		13	1Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VDV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
	Vô địch U18 quốc gia (nội dung 5x5)	Đắk Lắk	Quý II	2	7	32		13	1B, 2Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch U16, U18, U20 quốc gia nội dung 3x3	Bình Định/ Nghệ An	Quý III	2	8	32		13	1V, 1B	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia nội dung 5x5	Cần Thơ/ Trà Vinh/ Bạc Liêu	Quý IV	2	7	32		13	1Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Cúp các CLB quốc gia	TP. HCM/ Hà Nội/ Đà Nẵng	Quý IV	2	8	32		17	1Đ		Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	VBA chuyên nghiệp nội dung 3x3	TP. HCM/ Hà Nội/ Đà Nẵng/ Cần Thơ/ Khánh Hòa	Quý I	2	3	10		17	1Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
7	Bóng đá											
	Vô địch Bóng đá nữ quốc gia (Lượt đi) Đội I	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		7	25	1	25	Nhất lượt đi	1	Tuyển chọn VDV chuẩn bị vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch Bóng đá nữ quốc gia (Lượt đi) Đội II	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		6	25		25	Hạng 6	2	Tuyển chọn VDV chuẩn bị vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch Bóng đá nữ quốc gia (Lượt về) Đội I	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		7	25		25	HCV	1	Tuyển chọn VDV chuẩn bị vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch Bóng đá nữ quốc gia (Lượt về) Đội II	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		6	25		25	Hạng 6	2	Tuyển chọn VDV chuẩn bị vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch Bóng đá nữ U19 quốc gia (Lượt đi)	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		6	25		16	Nhất lượt đi	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch Bóng đá nữ U19 quốc gia (Lượt về)	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		6	25		16	HCB	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch Bóng đá nữ U16 quốc gia (Lượt đi)	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		6	25		14	Nhất lượt đi	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch Bóng đá nữ U16 quốc gia (Lượt về)	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		6	25		14	HCB	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch Bóng đá nam U11 quốc gia (Vòng loại)	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		5	20		14	Vào Chung kết	4	Phần đầu giành thành tích cao nhất	
	Vô địch Bóng đá nam U13 quốc gia (Vòng loại)	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		5	25		14	Vào Chung kết	4	Phần đầu giành thành tích cao nhất	
	Vô địch Bóng đá nam U11 quốc gia (Vòng chung kết)	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		5	20		14		5	Phần đầu giành thành tích cao nhất	
	Vô địch Bóng đá nam U13 quốc gia (Vòng chung kết)	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		5	25		16		5	Phần đầu giành thành tích cao nhất	
	Cúp Bóng đá nữ quốc gia	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		7	25	1	12	HCB	6	Nữ Hà Đông. Phần đầu giành thành tích cao nhất	
	Cúp Bóng đá nữ quốc gia	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		6	25		12	Hạng 6	6	Nữ Mỹ Đình. Phần đầu giành thành tích cao nhất	
	Vô địch Bóng đá nam U15 quốc gia (Vòng loại)	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		6	25		14	Vào Chung kết	7	Phần đầu giành thành tích cao nhất	
	Vô địch Bóng đá nam U15 quốc gia (Vòng chung kết)	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		6	25		16		7	Phần đầu giành thành tích cao nhất	

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VDV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
8	Bóng ném - Bóng gỗ											
	Vô địch quốc gia	Đà Nẵng	Quý III		5	32		15	2B	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch bãi biển quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý II		5	20		15	2Đ	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch trẻ quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý III		6	35		15	3Đ	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào đội tuyển trẻ quốc gia	
	Cúp các Câu lạc bộ quốc gia	TP. HCM	Quý I		3	16		15	1V	4	Phần đầu giành thành tích cao nhất, tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
9	Boxing nam - Kickboxing + Muay											
*	Boxing nam											
	Vô địch các đội mạnh quốc gia	Đắk Lắk	Quý II	1	6	20		15	2-3V	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch trẻ quốc gia	Quảng Ngãi	Quý III	1	6	30		20	3-4V	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch quốc gia	TP. HCM	Quý III	1	6	14		15	1-2V	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
*	Kickboxing											
	Vô địch quốc gia	Đắk Nông	Quý III	1	4	25		13	4V, 1B, 2Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào đội tuyển quốc gia	
	Vô địch trẻ quốc gia	Bình Định	Quý II	1	4	30		13	4V, 2B, 3Đ	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch các đội mạnh quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý I	1	4	25		14	4V, 2B, 3Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
*	Muay											
	Vô địch quốc gia	Bình Dương	Quý III	1	4	30		13	4V, 1B, 2Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào đội tuyển quốc gia	
	Vô địch trẻ toàn quốc	Đồng Nai	Quý III	1	4	30		13	4V, 1B, 2Đ	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch các CLB quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý I	1	4	30		14	4V, 1B, 2Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
10	Boxing nữ											
	Vô địch quốc gia	TP. HCM	Quý III	2	6	24		14	2-3V	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch trẻ quốc gia	Quảng Ngãi	Quý II	2	6	25		14	3-4V	2	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn và Tuyển chọn VĐV vào Đội trẻ tuyển quốc gia	
	Vô địch các đội mạnh toàn quốc	Đắk Lắk	Quý I	2	6	26		14	3-4V	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
11	Cầu lông											
	Vô địch cá nhân quốc gia	Quảng Trị	Quý III	1	4	22	1	10	1V, 1B, 1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch đồng đội quốc gia	Bắc Giang	Quý II	1	4	19	1	10	1B	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các nhóm tuổi quốc gia (U9, U11, U13, U15, U17)	TP. HCM	Quý III	1	6	35	1	10	1V, 1B, 1Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý II	1	3	20	1	10	1V, 1B, 1Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Các cây vợt thiếu niên, trẻ xuất sắc quốc gia	Đà Nẵng	Quý II	1	6	35	1	10	2V, 1B, 2Đ	6	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Các cây vợt xuất sắc quốc gia	Bắc Ninh	Quý IV	1	4	18	1	10	1V, 1Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch đồng đội nam nữ hỗn hợp quốc gia	Hà Nội	Quý II	1	3	10	1	10	1Đ	7	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các CLB phía Bắc	Tuyên Quang	Quý II	1	2	8	1	8	1V	8	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các CLB phía Nam	Phú Yên	Quý III	1	2	8	1	8	1V	9	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
12	Cầu mây											
	Vô địch các CLB quốc gia	Sóc Trăng	Quý I	2	3	16		10	1V, 1B, 1Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia	Bắc Giang	Quý II	2	5	30	1	15	5V, 2B, 3Đ	1	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào đội tuyển quốc gia	
	Vô địch bãi biển quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý III	2	3	24	1	12	1V, 1B, 1Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ quốc gia	Đồng Nai	Quý III	2	5	34	1	15	2V, 3B, 3Đ	3	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch các đội tuyển xuất sắc quốc gia	Thừa Thiên Huế	Quý IV	2	4	20	1	10	2V, 1B, 2Đ	2	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào đội tuyển quốc gia	

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
13	Cờ											
*	Cờ vua											
	Vô địch Cờ vua quốc gia	Hà Nội	Quý I	1	5	80		12	2V, 2B, 1Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	30 VĐV kinh phí Hà Nội 50 VĐV kinh phí XHH
	Vô địch Cờ vua xuất sắc quốc gia	Hải Phòng	Quý III	1	8	80		12	2V, 2B, 1Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	36 VĐV kinh phí Hà Nội 44 VĐV kinh phí XHH
	Vô địch Cờ vua đồng đội quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý II	1	8	80		12	4V, 2B, 3Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	36 VĐV kinh phí Hà Nội 44 VĐV kinh phí XHH
	Vô địch Cờ vua trẻ quốc gia	Bắc Giang	Quý III	1	10	380		13	30V, 32B, 42Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, giành quyền tham dự các giải trẻ quốc tế	80 VĐV kinh phí Hà Nội 300 VĐV kinh phí XHH
	Vô địch Cờ vua trẻ xuất sắc quốc gia	Cần Thơ	Quý III	1	10	220		12	10V, 12B, 20Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, giành quyền tham dự các giải trẻ quốc tế	80 VĐV kinh phí Hà Nội 140 VĐV kinh phí XHH
*	Cờ tướng, vây											
	Vô địch Cờ tướng quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý I		4	12		12	1B, 1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	6 VĐV kinh phí Hà Nội 6 VĐV kinh phí XHH
	Vô địch Cờ tướng xuất sắc quốc gia	TP. HCM	Quý IV		4	12		12	1B, 1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	6 VĐV kinh phí Hà Nội 6 VĐV kinh phí XHH
	Vô địch Cờ tướng đồng đội quốc gia	Đà Nẵng	Quý III		4	12		12	1V, 1B, 1Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	6 VĐV kinh phí Hà Nội 6 VĐV kinh phí XHH
	Vô địch Cờ tướng trẻ quốc gia	Bắc Giang	Quý II		4	200		12	10V, 5B, 17Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	200 VĐV kinh phí XHH
	Vô địch, Vô địch Cờ vây trẻ quốc gia	TP. HCM	Quý II		1	30		8	1V, 1B, 1Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	30 VĐV kinh phí XHH
	Vô địch Cờ vây xuất sắc quốc gia	Hải Phòng	Quý III		1	18		8	1B, 1Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	18 VĐV kinh phí XHH
14	Cử tạ											
	Vô địch quốc gia	Đắk Lắk	Quý IV	1	6	24	1	10	10V, 5B, 5Đ	1	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào đội tuyển quốc gia	
	Vô địch trẻ quốc gia	An Giang	Quý II	1	6	24	1	10	10V, 5B, 5Đ	2	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch thanh thiếu niên quốc gia	Lạng Sơn	Quý II	1	8	30	1	10	12V, 5B, 10Đ	3	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch các CLB quốc gia	Thanh Hóa	Quý III	1	8	20	1	10	2V, 3B, 2Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
15	Đá cầu											
	Vô địch cá nhân quốc gia	Thừa Thiên Huế	Quý I	2	2	20		15	1V	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
	Vô địch đồng đội quốc gia	Bắc Giang	Quý IV	2	2	24		15	1V	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch bãi biển quốc gia	Nghe An	Quý II	2	3	20		15	1V	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các CLB quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý II	2	2	20		15	1V	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ quốc gia	Khánh Hòa	Quý III	2	4	30		15	2V	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch nghệ thuật quốc gia	TP. HCM	Quý IV	2	2	20		15	1V	6	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
16	Điền kinh											
	Vô địch quốc gia marathon và cự ly dài Báo Tiền Phong	Phủ Yên	Quý I	1	3	5		5	1Đ		Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các nhóm tuổi trẻ quốc gia	Bình Định	Quý II	1	10	35		10	5V, 5B, 5Đ	4	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch trẻ quốc gia	Kon Tum	Quý III	1	10	35		10	4V, 6B, 3Đ	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch quốc gia các nội dung tiếp sức	Lâm Đồng	Quý III	1	15	40		7	3V, 2B, 3Đ	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch quốc gia	Đồng Nai	Quý IV	1	15	45		10	5V, 5B, 6Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
17	Đua thuyền											
	Vô địch Rowing quốc gia	Hải Phòng	Quý IV	1	5	22		13	1V, 2B, 3Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch Canoeing quốc gia	Hải Phòng	Quý IV	1	5	26		13	1V, 3B, 3Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch Rowing trẻ quốc gia	Hà Nội	Quý III	1	3	20		8	3V, 3B, 2Đ	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch Canoeing trẻ quốc gia	Hà Nội	Quý III	1	3	30		8	4V, 5B, 4Đ	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Canoeing Cup vô địch các đội mạnh quốc gia	Vĩnh Phúc	Quý IV	1	10	48		13	2V, 2B, 4Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Rowing máy Vô địch quốc gia	TP. HCM	Quý IV	1	1	8		8	1V, 1B, 1Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Thuyền truyền thống Vô địch quốc gia	Quảng Bình	Quý II	1	4	22		10	2Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VDV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
	Vô địch Canoeing các tay chèo xuất sắc quốc gia	Đà Nẵng	Quý II	1	4	18		7	1V, 1B, 2Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch Đua thuyền truyền thống quốc gia	Quảng Bình	Quý II	1	3	30		8		6	Phần đầu giành thành tích cao nhất	
18	Golf - Bowling											
*	Golf											
	Vô địch trung niên quốc gia	Thanh Hóa	Quý II	1	1	1		5	1V	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ quốc gia	Khánh Hòa	Quý II	1	4	37		6	2V	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia	Hải Phòng	Quý III	1	3	28		6	1V	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch đôi kháng quốc gia	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	3	20		6	1V	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
*	Bowling											
	Vô địch các đội mạnh quốc gia	TP. HCM	Quý I	1	2	24		10	2V	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các CLB quốc gia	Đà Nẵng	Quý III	1	2	12		7	2V	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ quốc gia	TP. HCM	Quý II	1	2	8		8	1V	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia	TP. HCM	Quý IV	2	2	24		10	2V	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Cúp Liên đoàn Bowling Việt Nam	Hà Nội	Quý IV	2	2	24		10	2V	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
19	Judo - Jujitsu											
*	Judo											
	Vô địch quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý IV	1	5	25		12	1V, 1Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch trẻ quốc gia	Thanh Hóa	Quý II	1	4	30		12	1V, 1Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các CLB quốc gia	Bắc Ninh	Quý I	1	4	25		12	1V, 1Đ	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
*	Jujitsu											
	Vô địch quốc gia	Bắc Giang	Quý III	1	3	15		12	1V, 2B, 6Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý II	1	3	15		12	1V, 1B, 8Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các lứa tuổi quốc gia	Cao Bằng	Quý II	1	3	15		12	1V, 1B, 6Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
	Vô địch bãi biển quốc gia	Đà Nẵng	Quý III	1	3	15		12	1V, 1B, 4Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các VĐV xuất sắc quốc gia	Đồng Nai	Quý IV	1	3	15		12	1V, 1B, 6Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các CLB toàn quốc	Cần Thơ	Quý I	1	3	15		12	1V, 1B, 6Đ	6	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
*	Kurash											
	Vô địch quốc gia	Sóc Trăng	Quý II	1	3	20		12	1V, 1Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch trẻ quốc gia	Bình Thuận	Quý II	1	3	20		12	1V, 1Đ	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
20	Karate											
	Vô địch quốc gia	Điện Biên	Quý III	1	6	45		10	2V, 2B, 4Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch trẻ quốc gia	Phủ Yên	Quý II	1	8	65		10	6V, 6B, 3Đ	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch các CLB mạnh quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý III	1	8	60		10	5V, 5B, 6Đ	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
21	Kiểm quốc tế											
	Vô địch quốc gia	Hà Nội/ Thanh Hóa	Quý IV	1	6	90	1	13	3V	1	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào đội tuyển quốc gia	
	Vô địch U23 quốc gia	Hà Nội/ Hải Dương	Quý III	1	6	90	1	15	3V	3	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào đội tuyển quốc gia	
	Vô địch trẻ quốc gia	Bắc Ninh	Quý I	1	6	90	1	18	7V	2	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào đội tuyển trẻ quốc gia	
22	Khiêu vũ thể thao											
	Vô địch quốc gia	Lâm Đồng	Quý IV	1	4	30		5	4V, 6B, 6Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ quốc gia	Quảng Ninh	Quý III	1	4	30		5	7V, 8B, 8Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Các CLB toàn quốc	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý I		3	38		5	12V, 8B, 9Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Cup quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu/ Quảng Ninh/ Lâm Đồng	Quý I-IV	1	3	38		5	10V, 8B, 9Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
23	Pencak Silat											
	Vô địch các CLB quốc gia	Nghệ An	Quý II	1	5	31		12	3V	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VDV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
	Vô địch trẻ quốc gia	TP. HCM	Quý III	1	5	40		12	4V	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý IV	1	5	31		12	3V	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
24	Taekwondo											
	Vô địch các lứa tuổi trẻ quốc gia	Đà Nẵng	Quý III		8	55		12	6-8V	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	Kinh phí: Hà Nội, XHH
	Vô địch quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý IV		6	35		10	3V	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch các CLB quốc gia	Lào Cai	Quý III		8	55		12	6-8V	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	Kinh phí: Hà Nội, XHH
	Các VDV xuất sắc quốc gia	Bình Thuận/ TP. HCM/ Quảng Ninh	Quý IV		6	20		10	1-2V	4	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
25	Quần vợt											
	Vô địch nam nữ quốc gia lần 1	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	3	15		14	1B, 1Đ	8	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch nam nữ quốc gia lần 2	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	3	15		14	1B, 1Đ	8	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch đồng đội quốc gia	Bình Dương	Quý II	1	3	15		14	1B, 1Đ	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch đồng đội trẻ quốc gia	Ninh Bình	Quý II	1	3	15		14	1B	9	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch Thanh thiếu niên quốc gia	Bà Rịa -Vũng Tàu	Quý III	1	4	20		14	1V, 2B, 2Đ	4	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VDV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch quốc gia	Đắk Lắk	Quý IV	1	3	15		14	1B, 1Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, xếp hạng quốc gia	
	Các cây vợt xuất sắc quốc gia	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	3	15		14	1B, 1Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch bãi biển quốc gia	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	4	12		14	1B, 3Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	ITF U18 quốc tế	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	2	5		10		10	Phần đầu giành thành tích cao nhất	
26	Thể thao dưới nước											
*	Bơi											
	Vô địch quốc gia bể 25m	Thừa Thiên Huế	Quý I	1	4	18	1	9	1V, 1B, 3Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
	Vô địch các nhóm tuổi quốc gia	Tiền Giang	Quý II	1	4	24	1	9	1B, 2Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ quốc gia	Đà Nẵng	Quý II	1	4	20	1	9	1V, 2B, 4Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các CLB quốc gia	Đồng Tháp - Phú Thọ	Quý III	1	5	25	1	8	10V, 8B, 6Đ	6	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia	Đà Nẵng	Quý IV	1	5	19	1	10	1B, 4Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Cúp VĐV xuất sắc quốc gia	Tây Ninh	Quý IV	1	4	17		9	1V, 2B, 4Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
*	Lặn											
	Vô địch quốc gia bể 25m	Thừa Thiên Huế	Quý I	1	5	28		9	1V, 2B, 2Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các nhóm tuổi quốc gia	Tiền Giang	Quý II	1	6	30		9	4V, 5B, 5Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ quốc gia	Đà Nẵng	Quý II	2	6	30		9	5V, 5B, 5Đ	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch các CLB quốc gia	Đồng Tháp - Phú Thọ	Quý III	1	4	20		9	1V, 1B, 1Đ	6	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia	Đà Nẵng	Quý IV	2	5	20		9	3V, 3B, 3Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
	Các VĐV xuất sắc quốc gia	Tây Ninh	Quý IV	1	6	30		9	2V, 2B, 2Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
*	Nhảy cầu											
	Vô địch quốc gia	Hà Nội	Quý III	2	5	16		9	6V, 3B, 2Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các CLB quốc gia	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	5	16		9	4V, 3B, 3Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
27	Thế dục											
*	Dụng cụ											
	Vô địch trẻ và Vô địch các nhóm tuổi quốc gia	Cần Thơ	Quý III	2	8	30		10	17V	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch quốc gia	Hà Nội	Quý IV	2	6	14		10	4V	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào đội tuyển quốc gia	

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
*	Aerobic											
	Vô địch trẻ và Vô địch các nhóm tuổi quốc gia	Hải Dương	Quý III	2	4	26		10	4V	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý IV	2	4	20		8	3V	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào đội tuyển quốc gia	
	Vô địch các CLB quốc gia	Hà Nội	Quý II	2	4	26		8	1V	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào đội tuyển quốc gia	
*	Nghệ thuật											
	Vô địch trẻ và Vô địch các nhóm tuổi quốc gia	TP. HCM/ Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý III	2	2	17		8	7V	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia	Hà Nội/ TP. HCM	Quý IV	2	3	8		8	3V	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
28	Thể dục thể hình											
	Vô địch cúp các CLB toàn quốc	Khánh Hòa	Quý II	2	4	35		10	1V	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ và fitness	Trà Vinh	Quý III	2	1	3		10	1Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch nam cổ điển, nữ fitness và nữ body fitness quốc gia	Trà Vinh	Quý III	2	4	16		10	1V	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia	Cà Mau	Quý IV	2	4	16		10	1V	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
29	Vật											
	Vô địch các CLB Vật cổ điển, Vật tự do quốc gia	Vĩnh Phúc	Quý I	1	7	55		15	8V, 3B, 3Đ	3	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch Vật dân tộc quốc gia	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	4	22		15	2V, 2B, 1Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch các lứa tuổi Vật cổ điển, Vật tự do quốc gia	Lào Cai	Quý II	1	9	65		15	12V, 12B, 10Đ	4	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch bãi biển các CLB quốc gia	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quý III	1	5	20		15	2V, 2B, 2Đ	7	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ quốc gia	Cà Mau	Quý III	1	7	50		15	8V, 3B, 5Đ	2	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch trẻ, thanh thiếu niên Vật dân tộc quốc gia	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	3	22		15	2V, 2B, 2Đ	6	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia	Nam Định	Quý IV	1	7	52		15	8V, 8B, 5Đ	1	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch Vật Anh Tài	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	3	18		15	2V, 1B, 3Đ	9	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
30	Võ cổ truyền - Vovinam											
*	Võ cổ truyền											
	Vô địch quốc gia	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	2	7	25		15	1V, 1B, 1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ và thiếu niên quốc gia	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	2	7	35		15	2V, 1B, 2Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Cúp Vô địch quốc gia	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	2	7	25		15	1V, 1B, 1Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
*	Vovinam											
	Vô địch các đội mạnh quốc gia	Gia Lai	Quý II	2	5	20		15	1V, 1B, 1Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch trẻ quốc gia	Thanh Hóa	Quý II	2	5	25		15	2V, 2B, 1Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia	Thừa Thiên Huế/ Phú Yên	Quý IV	2	6	20		15	1V, 2B, 1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
31	Wushu											
	Vô địch quốc gia	Quảng Ngãi	Quý II	2	18	47		14	15V, 14B, 10Đ	1	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
	Vô địch trẻ quốc gia	Thanh Hóa	Quý III	1	21	64		14	32V, 20B, 15Đ	2	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch các đội mạnh quốc gia	Gia Lai	Quý III	2	18	47		14	15V, 14B, 5Đ	1	Phần đầu giữ vị trí Nhất toàn đoàn, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
32	Xe đạp											
*	Đường trường											
	Vô địch trẻ quốc gia	Vĩnh Long - An Giang	Quý III	1	3	16	1	12	2V, 2B, 2Đ	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch quốc gia	Hòa Bình	Quý IV	1	3	15	1	12	2B, 1Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
*	Địa hình											
	Vô địch trẻ quốc gia	Vĩnh Long - An Giang	Quý III	1	5	20	1	12	2V, 2B, 2Đ	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển trẻ quốc gia	
	Vô địch quốc gia	Hòa Bình	Quý IV	1	4	16	1	12	1B, 2Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
33	Thể thao khuyết tật											
	Vô địch quốc gia các môn Điền kinh, Bắn cung, Judo, Boccia người khuyết tật	TP. HCM	Quý II	2	3	50	1	10	48V, 33B, 12Đ	1	Phần đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Kinh phí XHH
						10			2V, 3B, 1Đ	2	Phần đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia các môn Cầu lông, Bóng bàn, Cử tạ, Quần vợt xe lăn người khuyết tật	Thái Nguyên	Quý II	2	6	46	1	10	16V, 27B, 22Đ	1	Phần đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Kinh phí XHH
						10			3V, 4B, 4Đ	2	Phần đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
	Vô địch quốc gia các môn Bơi, Cờ vua người khuyết tật	Đà Nẵng	Quý III	1	3	32	1	10	28V, 13B, 13Đ	1	Phần đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Kinh phí XHH
						10			3V, 6B, 3Đ	2	Phần đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	
34	Ba môn phối hợp											
	Vô địch các CLB quốc gia	TP. HCM	Quý II	2	3	12		14		2	Phần đấu giành thành tích cao nhất	
	Vô địch quốc gia	Quảng Ngãi	Quý III	2	3	12		14		1	Phần đấu giành thành tích cao nhất	
35	Roller											
	Vô địch quốc gia và các nhóm tuổi quốc gia	TP. HCM	Quý II	2	9	50		5		1	Phần đấu giành thành tích cao nhất	
	Vô địch các CLB quốc gia	Cần Thơ	Quý III	2	9	50		5		5	Phần đấu giành thành tích cao nhất	
	Vô địch các CLB xuất sắc quốc gia	Quảng Ninh	Quý III	2	9	50		5		4	Phần đấu giành thành tích cao nhất	
	Vô địch trẻ quốc gia	Hà Nội	Quý III	2	9	50		5		2	Phần đấu giành thành tích cao nhất	
	Vô địch các đội mạnh quốc gia	Lâm Đồng	Quý IV	2	9	50		5		3	Phần đấu giành thành tích cao nhất	
36	Sailing											
	Vô địch, Vô địch trẻ quốc gia	Đà Nẵng	Quý III	2	2	8		6		1	Phần đấu giành thành tích cao nhất	
	Tổng cộng			253	1201	6895	44					

KẾ HOẠCH ĐI THI ĐẤU TRONG NƯỚC CÁC GIẢI MỞ RỘNG(Kèm theo Kế hoạch số **30** /KH-SVHTT ngày **12** tháng **01** năm **2024** của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội)

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
1	Bi sắt											
	Quốc tế truyền thống Cung Văn hóa lao động	TP. HCM	Theo Điều lệ Giải thi đấu	2	4	16		13	1V	4	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn	
2	Bóng bàn											
	Cúp Quốc tế Cây vọt vàng	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	4	18		12	2Đ	1	Thi đấu cọ sát và nâng cao trình độ chuyên môn	
	Cúp Quốc tế Vĩnh Long mở rộng	Vĩnh Long	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	4	18		12		2	Thi đấu cọ sát và nâng cao trình độ chuyên môn	
	Cúp Thạch rau câu Long Hải	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	9	45		10	4V, 1B, 1Đ	3	Thi đấu cọ sát và nâng cao trình độ chuyên môn	
	Cúp Quốc tế Côn Sơn	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	4	18		7		4	Thi đấu cọ sát và nâng cao trình độ chuyên môn	
3	Bóng chuyền - Bóng rổ											
*	Bóng chuyền											
	Cúp Hoa Lư	Ninh Bình	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	3	14		12		1	Thi đấu cọ sát nâng cao trình độ chuyên môn	
4	Cầu lông											
	Việt Nam Challenger 2	Ninh Bình	Quý IV	1	2	15		7	1/16	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Kinh phí XHH
	Việt Nam Challenger 1	Hà Nội	Quý I	1	2	15		7	1/16	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Kinh phí XHH
	Việt Nam open	TP. HCM	Quý III	1	2	8		7	1/16	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Kinh phí XHH
5	Cờ											
	Vô địch Cờ vua HD Bank mở rộng	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		3	50		13		1	Giành chuẩn Đại kiện tướng	30 VĐV kinh phí Hà Nội 20 VĐV kinh phí XHH

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
	Vô địch Cờ vua nhanh Hà Nội mở rộng	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		3	80		2		2	Phát triển phong trào	Kinh phí XHH
6	Golf - Bowling											
*	Bowling											
	Hà Nội mở rộng	Hà Nội	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	1	12		7	1V	1	Nâng cao trình độ chuyên môn cho VĐV	
	TP. HCM mở rộng	TP. HCM	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	1	12		7	1V	2	Nâng cao trình độ chuyên môn cho VĐV	
	Đà Nẵng mở rộng	Đà Nẵng	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	1	12		7	1V	2	Nâng cao trình độ chuyên môn cho VĐV	
7	Điền kinh											
	Việt dã leo núi Bà Rá	Bình Phước	Quý I		1	3		5	1Đ		Nâng cao trình độ chuyên môn	
	Cúp tốc độ Thống Nhất	TP. HCM	Quý II		2	10		5	3V, 2B, 1Đ	7	Nâng cao trình độ chuyên môn	
	TP. HCM mở rộng	TP. HCM	Quý I		3	15		5	3V, 3B, 2Đ	6	Nâng cao trình độ chuyên môn	
8	Karate											
	Vô địch Miền Bắc mở rộng	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu	1	6	70		8	10V, 8B, 2Đ	4	Phần đầu giành thành tích cao nhất, Tuyển chọn VĐV vào Đội tuyển quốc gia	
9	Kiểm quốc tế											
	Việt Nam mở rộng	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		6	50	1	9	6V	1	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn	
10	Khiêu vũ thể thao											
	Vô địch Breaking Việt Nam mở rộng	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		1	2		5	1B		Giao lưu, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	
	Hà Nội Breaking All in One (Hà Nội mở rộng)	Hà Nội	Theo Điều lệ Giải thi đấu		1	2		3	1V		Giao lưu, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Kinh phí XHH
	TP.HCM mở rộng	TP. HCM	Theo Điều lệ Giải thi đấu		1	2		5	1V		Giao lưu, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Kinh phí XHH

TT	Tên giải	Địa điểm dự kiến	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Ghi chú
				Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, Chuyên gia, Phiên dịch, Trọng tài					
	Quảng Ninh mở rộng	Quảng Ninh	Theo Điều lệ Giải thi đấu		2	20		5	5V, 6B, 6Đ	1	Giao lưu, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Kinh phí XHH
	Hải Phòng mở rộng	Hải Phòng	Theo Điều lệ Giải thi đấu		2	20		3	5V, 5B, 5Đ	2	Giao lưu, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Kinh phí XHH
	Hải Dương mở rộng	Hải Dương	Theo Điều lệ Giải thi đấu		2	26		3	8V, 5B, 5Đ	3	Giao lưu, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Kinh phí XHH
11	Taekwondo											
	Miền Trung mở rộng	Theo Điều lệ Giải thi đấu	Theo Điều lệ Giải thi đấu		3	30		8	3V	1	Thi đấu cọ sát, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Kinh phí: Hà Nội, XHH
12	Xe đạp											
*	Đường trường											
	Xe đạp nam Cup truyền hình TP.HCM	Hà Nội - TP. HCM	Quý II	1	3	7		32		1	Nâng cao trình độ VĐV	
	Cúp Biwase	Bình Dương	Quý I	1	3	7		15		2	Nâng cao trình độ VĐV	
*	Địa hình											
	Xe đạp về Trường Sơn - báo Quân đội nhân dân	Hà Nội - Điện Biên	Quý II	1	3	7		15		1	Nâng cao trình độ VĐV	
	Xe đạp Nam Kỳ Khởi Nghĩa	TP. HCM	Quý IV	1	3	7		15		2	Nâng cao trình độ VĐV	
	Tổng cộng			18	85	611	1					

KẾ HOẠCH DI THI ĐẤU QUỐC TẾ TRONG HỆ THỐNG GIẢI CỦA LIÊN ĐOÀN, HIỆP HỘI CÁC MÔN THỂ THAO KHU VỰC, CHÂU LỤC, THẾ GIỚI
(Kèm theo Kế hoạch số **30** /KH-SVHTT ngày **10** tháng **01** năm **2024** của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội)

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
1	Bắn cung												
		Cúp Châu Á, Vô địch Đông Nam Á	Châu Á	Quý II	1	3	12	1	13	2V, 1Đ	4	Phần đấu giành thành tích cao nhất, tích điểm để giành vé tham dự Olympic	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Cúp Thế giới	Châu Á	Quý II	1	2	6	1	9		1	Phần đấu giành thành tích cao nhất, tích điểm để giành vé tham dự Olympic	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Cúp Thế giới	Châu Á	Quý II	1	2	6	1	9		3	Phần đấu giành thành tích cao nhất, tích điểm để giành vé tham dự Olympic	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Cup Final Thế Giới	Châu Âu/ Châu Á	Quý II	1	2	6	1	9		2	Phần đấu giành thành tích cao nhất, tích điểm để giành vé tham dự Olympic	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
2	Bắn súng												
		Cúp Thế giới	Châu Á	Quý I	1	2	6		12		2	Phần đấu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Liên đoàn Bắn súng thế giới về súng trường và súng ngắn	Châu Âu	Quý II	1	2	6		12		3	Phần đấu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Đông Nam Á	Châu Á	Quý IV	1	5	18		12	3V, 4B, 5Đ	1	Phần đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
3	Billiards - Snooker												
		Vô địch 9 bóng Thế giới	Châu Á	Quý I-IV			2		10	Top 32	1	Phần đấu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Snooker Châu Á	Châu Á	Quý I-IV			3		10	Top 16	2	Phần đấu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Vô địch Billiard English Châu Á	Châu Á	Quý I-IV			3		10	Top 16	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
4	Bóng bàn												
		Vô địch Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý II		1	3		20		1	Phần đầu giành thành tích cao nhất	TW
		Vô địch trẻ Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý II		1	3		12		2	Phần đầu giành thành tích cao nhất	TW
		Vô địch Thế giới	Châu Á	Quý I		1	3		12		3	Phần đầu giành thành tích cao nhất	TW
5	Bóng đá												
		Vô địch Bóng đá nữ Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý II, III		1	8			1B		Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Liên đoàn Bóng đá Việt Nam
6	Bowling												
		Đại hội thể thao Châu Á và võ thuật trong nhà	Châu Á	Quý I		1	4		10	1V	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		Vô địch trẻ Châu Á	Châu Á	Quý III		1	2		10	1V	2	Phần đầu giành thành tích cao nhất	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		Asian 10 pin championship	Châu Á	Quý III		1	4		10	1V	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
7	Boxing nam - Kickboxing - Muay												
*	Boxing nam												
		Vô địch Châu Á	Châu Á	Quý II	1	1	2		12	1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
*	KickBoxing												
		Vô địch trẻ Châu Á	Châu Á	Quý I-IV	1	1	8		14	1B, 1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Vô địch Châu Á	Châu Á	Quý I-IV	1	2	8		14	1B, 1Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Đại hội thể thao trong nhà và võ thuật Châu Á	Châu Á	Quý I	1	1	2		14	1Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách Sở VH&TT cấp cho Trung tâm - TW
*	Muay												
		Vô địch thế giới	Châu Âu/Châu Á/ Châu Mỹ	Quý I-IV	1	1	6		14	1B, 1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch trẻ thế giới	Châu Âu/Châu Á/Châu Mỹ	Quý I-IV	1	1	8		14	2Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch/ Vô địch trẻ Châu Á	Châu Á	Quý I-IV	1	1	8		14	1B, 1Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Đại hội thể thao trong nhà và võ thuật Châu Á	Châu Á	Quý I	1	1	2		14	1Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	-Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
8	Boxing nữ												
		Vòng loại Olympic 1	Châu Âu	Quý I	2	2	5		15		1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, tích điểm để giành vé tham dự Olympic	-Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
		Vòng loại Olympic 2	Châu Á	Quý II	2	2	5		15		2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, tích điểm để giành vé tham dự Olympic	-Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
		Vô địch thế giới	Châu Âu/Châu Á	Quý IV	2	2	5		15		3	Phần đầu giành thành tích cao nhất, tích điểm để giành vé tham dự Olympic	-Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Vô địch Châu Á	Châu Á	Quý III	2	2	5		15		4	Phần đầu giành thành tích cao nhất	-Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
		Vô địch trẻ Châu Á	Châu Á	Quý III	2	2	5		15	1Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	-Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
9	Cầu mây												
		Đại hội thể thao trong nhà và võ thuật Châu Á	Châu Á	Quý I, II	1	2	8		8	1Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Bãi biển Châu Á	Châu Á	Quý II, III	1	2	8		8	1Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch thế giới	Châu Á	Quý III, IV	1	2	8		10	1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
10	Cờ												
		Đại hội thể thao trong nhà và võ thuật Châu Á	Châu Á	Quý I, II	1	1	4		15		1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, giành chuẩn đạt đại kiện tướng	TW
		Vô địch Cờ vua thế giới nhanh, chớp	Châu Âu	Quý III-IV	1	1	4		8		1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, giành chuẩn đạt đại kiện tướng	-Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
		Vô địch Cờ vua Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý II-IV	1	2	12		15	2V	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, giành chuẩn đạt đại kiện tướng	-Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
		Vô địch Đồng đội Cờ vua châu Á	Châu Á	Quý II-IV	1	1	5		15	1V, 1Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, giành chuẩn đạt đại kiện tướng	-Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Vô địch Cờ vua châu Á	Châu Á	Quý II-IV	1	1	5		15	1Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, giành chuẩn đạt đại kiện tướng	-Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
		Vô địch Cờ vua nhanh, chớp U8, 10, 12, 14, 16, 18 thế giới	Châu Âu	Quý II-IV	1	3	26		8	1Đ	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, giành chuẩn đạt đại kiện tướng	- Ngân sách Sở VH&TT cấp cho Trung tâm - TW - XHH
		Vô địch Cờ vua trẻ U8, 10, 12 thế giới	Châu Âu	Quý II-IV	1	2	16		15	1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách Sở VH&TT cấp cho Trung tâm - TW - XHH
		Vô địch Cờ vua trẻ U14, 16, 18 thế giới	Châu Âu	Quý II-IV	1	2	16		15	1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách Sở VH&TT cấp cho Trung tâm - TW - XHH
		Vô địch cờ vua U20 thế giới	Châu Âu	Quý II-IV	1	1	3		15	1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
		Vô địch Cờ vua trẻ U8, 10, 12, 14, 16, 18 Châu Á	Châu Á	Quý II-IV	1	3	35		15	4V, 3B, 1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW - XHH
		Vô địch Cờ vua các nhóm tuổi trẻ Đông Nam Á	Châu Á	Quý II-IV	1	4	130		15	20V, 22B, 25Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách Sở VH&TT cấp cho Trung tâm - TW - XHH
		Vô địch Cờ tướng Châu Á	Châu Á	Quý II-IV	1	1	2		15	1 B	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Olympic Cờ vua thế giới	Hungary	Quý II-IV	1	1	2		15	1 Đ	1	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
11	Cử tạ												
		Vô địch thế giới	Châu Âu/Châu Á/Châu Mỹ	Quý I-IV	1	2	2		15	1B, 1Đ	1	Tích điểm vòng loại Olympic	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
		Vô địch thanh thiếu niên và trẻ Châu Á	Châu Á	Quý I-IV	1	3	7		15	2V, 2B, 2Đ	2	Tạo điều kiện cho VĐV trẻ nâng cao thành tích chuyên môn, phấn đấu đạt thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch thanh thiếu niên thế giới	Châu Âu/Châu Á/Châu Mỹ	Quý I-IV	1	2	3	1	15	1Đ	4	Tạo điều kiện cho VĐV trẻ nâng cao thành tích chuyên môn, phấn đấu đạt thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch trẻ thế giới	Châu Âu/Châu Á/Châu Mỹ	Quý I-IV	1	2	2	1	15	1Đ	3	Tạo điều kiện cho VĐV trẻ nâng cao thành tích chuyên môn, phấn đấu đạt thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Cup Thế giới	Châu Âu/Châu Á/Châu Mỹ	Quý I-IV	1	2	3	1	15	1V, 1B, 1Đ	5	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
		Vô địch Châu Á	Châu Á	Quý I-IV	1	2	4	1	15	1B, 1Đ	6	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
12	Đá cầu												
		Vô địch Thế giới	Châu Á	Quý III	1	2	3		10	1V	1	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
		Vô địch Châu Á	Châu Á	Quý IV	1	2	3		10	1V	2	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Vô địch trẻ Châu Á	Châu Á	Quý III-IV	1	2	3		10	1V	3	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
13	Điền kinh												
		Vô địch trẻ Đông Nam Á	Châu Á	Quý II-III		2	5		7	1B, 1Đ	1	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
14	Dua thuyền												
		Vô địch, Vô địch trẻ Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý II-III		2	10		10	2V	2	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Rowing U19, 23 Châu Á	Châu Á	Quý III-IV		1	4		10	1Đ	2	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Rowing Châu Á	Châu Á	Quý III-IV		1	4		10	1Đ	2	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch U23 Canoeing Châu Á	Châu Á	Quý II-III		1	1		10	1Đ	2	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Canoeing Châu Á	Châu Á	Quý II-III		1	1		10	1Đ	1	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
15	Judo - Jujitsu												
*	Judo												
		Vô địch Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý I, II	1	2	10		10	1B	1	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch trẻ Châu Á	Châu Á	Quý III, IV	1	1	4		12	1Đ	2	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
*	Jujitsu												
		Vô địch Đông Nam Á	Châu Á	Quý I-III	1	1	8		12	2V, 7Đ	1	Phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Vô địch Thế giới	Châu Âu/ Châu Á	Quý II-IV	1	1	6		12	2Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Châu Á	Châu Á	Quý I-III	1	1	8		12	3Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch trẻ Thế giới	Châu Á	Quý II, III	1	1	6		12	4Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Đại hội thể thao Châu Á và võ thuật trong nhà	Châu Á	Quý I	1	1	4		12	2Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
*	Kurash												
		Vô địch Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý III-IV	1	2	10		10	1V	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Đại hội thể thao Châu Á và võ thuật trong nhà	Châu Á	Quý I	1	2	2		10	1Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch trẻ Châu Á	Châu Á	Quý II, III	1	2	6		10	1Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Thế giới	Châu Á	Quý II, III	1	1	3		10	1Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
16	Karate												
		Vô địch/ Vô địch trẻ Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý I, II	1	3	15		8	2V, 2B, 1Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch trẻ Châu Á	Châu Á	Quý IV	1	3	10		8	2Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Vô địch Châu Á	Châu Á	Quý II, III	1	3	8		8	1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch trẻ thế giới	Châu Âu	Quý IV	1	3	8		10	1Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Karate 1 - Youth League	Châu Âu	Quý II-III	1	2	10		8	1Đ	7	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Karate 1 - Series A	Châu Âu	Quý III, IV	1	2	6		8	1Đ	6	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch đồng đội thế giới	Châu Âu	Quý IV	1	2	4		8	Vòng 1/16	5	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
17	Kiếm Quốc tế												
		Vô địch Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý I-IV		4	27	1	9	3V	1	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch trẻ Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý I-IV		6	45	1	12	3V	2	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch U23 Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý I-IV		6	30	1	9	2V	3	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch trẻ Châu Á	Châu Á	Quý I-IV		5	24	1	12	1Đ	4	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Châu Á/ U23 Châu Á	Châu Á	Quý I-IV		3	18	1	9	1Đ	5	Tích điểm vượt qua vòng loại Olympic	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Grand Prix/World Cup Kiếm Chém	Châu Á/ Châu Âu	Quý I-IV		1	8		7	hạng 32	6	Tích điểm vượt qua vòng loại Olympic	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Grand Prix/World Cup Kiểm Chém	Châu Á/ Châu Âu	Quý I-IV		1	8		7	hạng 32	7	Tích điểm vượt qua vòng loại Olympic	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Grand Prix/World Cup Kiểm 3 cạnh	Châu Á/ Châu Âu	Quý I-IV		1	8		7	hạng 32	8	Tích điểm vượt qua vòng loại Olympic	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Grand Prix/World Cup Kiểm Liều	Châu Á/ Châu Âu	Quý I-IV		1	8		7	hạng 32	9	Tích điểm vượt qua vòng loại Olympic	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch/ Vô địch trẻ Thế giới	Châu Á/ Châu Âu	Quý I-IV		3	15		9	hạng 32	10	Tích điểm vượt qua vòng loại Olympic	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
18	Khiêu vũ thể thao												
		Vô địch Châu Á	Châu Á	Quý IV		1	6		5	1Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		WDSF Vô địch Châu Á Breaking	Châu Á	Quý III		1	2		5	Vào Bán kết	1	Phần đầu giành thành tích cao nhất	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		Vô địch trẻ Thế giới	Châu Á	Quý IV		1	4		6	Vào Bán kết	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		WDSF Grandslam	Châu Âu	Quý III		2	12		6	Vào Bán kết	5	Phần đầu giành thành tích cao nhất	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		King Cup	Châu Á	Quý III		2	26		5	Vào Chung kết	4	Phần đầu giành thành tích cao nhất	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Châu Á Thái Bình Dương Grand slam	Châu Á	Quý IV		2	12		6	Vào Chung kết	6	Phần đầu giành thành tích cao nhất	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
19	Pencak Silat												
		Vô địch Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý I, II		2	6		8	1V	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Châu Á	Châu Á	Quý II, III		2	6		8	1B	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Thế giới	Châu Âu/Châu Á/Châu Mỹ	Quý III, IV		2	6		8	1B	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch trẻ Thế giới	Châu Âu/Châu Á/Châu Mỹ	Quý II, III		2	6		8	1V	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
20	Taekwondo												
		Vô địch Châu Á	Châu Á	Quý III		2	10	1	10	1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch quyền thế giới	Châu Á	Quý II		2	10	1	10	1B, 1Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Tích điểm hạt giống khu vực Đông Nam Á G1	Châu Á	Quý II		2	10		8	1V, 1B, 1Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Tích điểm hạt giống khu vực Châu Á G2	Châu Á	Quý II		2	10		8	1B, 1Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Tích điểm hạt giống khu vực Châu Âu G2	Châu Âu	Quý IV		1	6		8	1B, 1Đ	5	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
21	Quần vợt												
		PTT Thái Huahin	Thái Lan	Quý II-III	1	1	3		10		1	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		PTT Thai Bangkok	Thái Lan	Quý III- IV	1	1	3		10		2	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		U14 Châu Á tour 1	Châu Á	Quý II-III	1	1	4		10		3	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		U14 Châu Á tour 2	Châu Á	Quý III- IV	1	1	4		10		4	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
22	Thể thao dưới nước												
*	Bơi												
		Vô địch các nhóm tuổi Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý II	1	1	5		9		1	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Châu Á	Châu Á	Quý II	1	1	2		9		3	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Học sinh Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý III	1	1	5		9		4	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Thế giới	Châu Á	Quý III	1	1	2		9		5	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch các nhóm tuổi Châu Á	Châu Á	Quý III, IV	1	1	4		8		2	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
*	Lặn												
		Vô địch Thế giới	Châu Âu	Quý III	1	2	8		9		1	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VDV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Vô địch/ Vô địch trẻ Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý III	1	2	8		9	2V	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch trẻ Thế giới	Châu Âu	Quý IV	1	2	8		9	1B, 1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
*	Nhảy cầu												
		Vô địch các nhóm tuổi Châu Á	Châu Á	Quý I	1	3	8		9		2	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch các nhóm tuổi Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý III	1	3	8		9	2V, 2B, 2Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch các nhóm tuổi thế giới	Châu Âu	Quý III, IV	1	3	8		9		1	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
23	Thế dục												
*	Dụng cụ												
		Cúp Thế giới	Châu Âu/ Châu Á	Quý I-II	1	2	4	2	8		2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, tích điểm để giành vé tham dự Olympic	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
		Vô địch trẻ thế giới	Châu Âu/ Châu Á	Quý III-IV	1	2	2	2	8			Phần đầu giành thành tích cao nhất	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
		Vô địch Châu Á	Châu Á	Quý II-III	1	2	6	2	8		1	Phần đầu giành thành tích cao nhất, tích điểm để giành vé tham dự Olympic	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
*	Aerobic												
		Cúp Suzuki Thế giới	Châu Á	Quý I-II	1	3	8	2	8	1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch trẻ thế giới	Châu Âu/ Châu Á	Quý I-IV	1	2	3	1	8	1Đ		Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
		Vô địch, Vô địch trẻ Châu Á	Việt Nam	Quý II	1	2	13	2	8	1B	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
*	Nghệ thuật												
		Cúp Thế giới	Châu Âu/ Châu Á	Quý III-IV	1	2	4		8	Vào CK		Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
24	Thể dục thể hình												
		Vô địch Châu Á	Châu Á	Quý III	1	2	3		7	1Đ		Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
		Vô địch thế giới	Châu Á	Quý IV	1	2	2		7			Phần đầu giành thành tích cao nhất	- Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - TW
25	Vật												
		Vô địch Châu Á U17, 23	Châu Âu/Châu Á	Quý II	1	2	6		12	1Đ	4	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Châu Á U15, 20	Châu Âu/Châu Á	Quý III	1	1	2		12		3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Vô địch Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý IV	1	3	18		12	10V, 1B, 5Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch trẻ Đông Nam Á	Đông Nam Á	Quý IV	1	4	30		12	12V, 5B, 5Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
26	Xe đạp												
		Vô địch Châu Á xe đạp đường trường	Châu Á	Quý III	1	2	2		8	1Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Châu Á xe đạp địa hình	Châu Á	Quý IV	1	1	1		8		2	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
27	Wushu												
		Vô địch trẻ thế giới	Châu Âu/ Châu Á	Quý III-IV	1	3	12		12	1V, 2B, 2Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Châu Á	Châu Á	Quý III-IV	1	3	12		12	1V, 2B, 4Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Olympic trẻ	Châu Âu/ Châu Á	Quý III-IV	1	3	6		12	2Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	TW
		Vô địch Thái cực quyền thế giới	Châu Âu/ Châu Á	Quý III-IV	1	2	8		10	1B, 2Đ	1	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Cúp Taolu thế giới	Châu Âu/ Châu Á	Quý III-IV	1	2	6		12	1B, 1Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Cúp Tán thủ thế giới	Châu Âu/ Châu Á	Quý III-IV	1	2	5		10	1Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
28	Thể thao khuyết tật												
		Paralympic	Châu Âu	Quý III		1	1		10		1	Phần đầu giành thành tích cao nhất	TW
		Cầu lông người khuyết tật quốc tế	Châu Âu	Quý II		1	4		12		2	Lấy chuẩn tham dự Paralympic	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Cờ vua người khuyết tật thể giới	Châu Âu	Quý III		1	4		11	1Đ	2	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Bơi người khuyết tật thể giới	Châu Á	Quý II		1	1		8		2	Phần đầu giành thành tích cao nhất	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Paris - WPA Grand Prix Điền kinh người khuyết tật quốc tế	Châu Âu	Quý II		1	5		11	5Đ	3	Phần đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu huy chương	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Vô địch Cầu lông người khuyết tật thể giới	Châu Á	Quý I		1	4		10		2	Lấy chuẩn tham dự Paralympic	XHH
		Vô địch Cờ vua đồng đội người khuyết tật thể giới	Châu Âu	Quý IV		1	4		11	Top 8	3	Phần đầu giành thành tích cao nhất	XHH
		Vô địch Cờ vua người khiếm thị Châu Á	Châu Á	Quý II		1	2		10	1Đ	4	Phần đầu giành thành tích cao nhất	XHH
		Tổng cộng			104	269	1212	26					

KẾ HOẠCH ĐI THI ĐẤU QUỐC TẾ CÁC GIẢI MỞ RỘNG

(Kèm theo Kế hoạch số 30 /KH-SVHTT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội)

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VDV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
1	Bí sắt												
		Trẻ Nhật Bản	Nhật Bản	Quý III-IV	2	1	4		7	Vào tứ kết	1	Thi đấu cò sắt, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
2	Billiards - Snooker												
		Nhà nghề Nam Nữ Pool 9 bóng thế giới China open	Trung Quốc	Quý I	2	1	9		10	Top 16		Thi đấu cò sắt, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		Nhà nghề Châu Á Billiard -Snooker	Châu Á	Quý II	2	1	5		10	Top 16		Thi đấu cò sắt, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		Nhà nghề Pool 9 bóng Thế Giới US Open	Mỹ	Quý II	2	1	3		10	Top 16		Thi đấu cò sắt, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		Nhà nghề Châu Á Billiard -Snooker	Châu Á	Quý III-IV	2	1	5		10	Top 16		Thi đấu cò sắt, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		Nhà nghề Châu Á Golden Break 9 Ball Championship	Châu Á	Quý I-IV			8		10	Top 16		Thi đấu cò sắt, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
3	Golf - Bowling												
*	Bowling												
		Hàn Quốc mở rộng	Hàn Quốc	Quý II	1	2	12		10	1V	1	Thi đấu cò sắt, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Thái Lan mở rộng	Thái Lan	Quý II-III	1	2	6		10	1V	2	Thi đấu cò sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
4	Cầu lông												
		TOYOTA International Challenge	Châu Á	Quý I-II	1	1	6	1	7			Thi đấu cò sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	XHH
		LINING Maldives Intenrnational Challenge	Châu Á	Quý II-III	1	1	3	1	7			Thi đấu cò sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	XHH
		<u>Badminton Asia Junior Championships 2024</u>	Châu Á	Quý II-III	1	1	6	1	12			Thi đấu cò sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	XHH
		MYANMAR International Future Series	Myanmar	Quý II-III	1	1	7	1	7			Thi đấu cò sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	XHH
		MYANMAR International Series	Myanmar	Quý II-III	1	1	7	1	7			Thi đấu cò sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	XHH
		Maldives Internationnal Series	Ấn Độ	Quý II-III	1	1	7	1	7			Thi đấu cò sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	XHH
		Toyota Thailand International Series	Thái Lan	Quý II-III	1	1	7	1	7			Thi đấu cò sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	XHH
		Malaysia International Series	Malaysia	Quý III-IV	1	1	7	1	7			Thi đấu cò sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	XHH
		Badminton Asia Under 17 & Under 15 Junior Championships	Châu Á	Quý III-IV	1	1	2	1	7			Thi đấu cò sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	XHH
		Malaysia International Challenge	Malaysia	Quý III-IV	1	1	7	1	7			Thi đấu cò sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	XHH
		Bat Yonex Pathumthani Junior International Series	Thái Lan	Quý III-IV	1	1	5	1	7			Thi đấu cò sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	XHH
5	Cờ												
		Ấn Độ/ Mỹ mở rộng	Ấn Độ/ Mỹ	Quý II-IV	1	1	4		15		2	Phấn đấu giành thành tích cao nhất, giành chuẩn đạt đại kiện tướng	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VDV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Malaysia/ Singapore/ Thái Lan mở rộng	Malaysia/ Singapore/ Thái Lan	Quý II-IV	1	1	4		15		2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, giành chuẩn đạt đại kiện tướng	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		UAE/ Hungary mở rộng	UAE/ Hungary	Quý II-IV	1	1	4		15		2	Phần đầu giành thành tích cao nhất, giành chuẩn đạt đại kiện tướng	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
6	Đá cầu												
		Hồng Kông mở rộng	Hồng Kông	Quý III-IV	1	3	10		10	2V		Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
7	Điền kinh												
		Thái Lan mở rộng	Thái Lan	Quý II-III		1	3		7	1V, 1Đ		Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Đài Loan mở rộng	Đài Loan	Quý II-III		1	3		7	1B		Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Hồng Kông mở rộng	Hồng Kông	Quý II-III		1	3		7	1Đ		Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
8	Karate												
		Malaysia mở rộng	Malaysia	Quý III	1	2	12		8	1V, 2B, 3Đ	1	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
9	Kiểm Quốc tế												
		Singapore mở rộng	Singapore	Quý II-III		5	30	1	9	3V	2	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Thái Lan mở rộng	Thái Lan	Quý I-II		5	30	1	9	5V	1	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VDV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
		Malaysia mở rộng	Malaysia	Quý IV		5	30	1	9	5V	3	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
10	Khiêu vũ thể thao												
		Singapore WDSF	Singapore	Quý II		2	16		5	2B	2	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	- Ngân sách Sở VH&TT cấp cho Trung tâm - XHH
		Nhật Bản mở rộng	Nhật Bản	Quý IV		1	2		5		1	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		Breaking Đài Loan mở rộng	Đài Loan	Quý IV		1	2		5		3	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		Malaysia mở rộng	Malaysia	Quý III		2	16		5	2B	4	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		Philippines mở rộng	Philippines	Quý III		2	16		5	2B	6	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		Trung Quốc WDSF mở rộng	Trung Quốc	Quý III		2	18		6	Vào Chung kết	5	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH
		Ý mở rộng	Ý	Quý III		1	8		6	Vào Bán kết	7	Thi đấu cọ sát, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thi đấu	- Ngân sách sự nghiệp TDTT thành phố cấp cho Sở VH&TT - XHH

TT	Bộ môn	Tên giải	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Dự kiến số người				Số ngày	Chỉ tiêu huy chương	Thứ tự ưu tiên	Mục đích	Kinh phí
					Cán bộ quản lý	HLV	VĐV	CB y tế, trọng tài, Chuyên gia					
11	Thể dục												
*	Dụng cụ												
		Singapore mở rộng	Singapore	Quý II	1	2	8		8		1	Rèn luyện tâm lý, kỹ chiến thuật nâng cao trình độ chuyên môn	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
*	Nghệ thuật												
		Singapore mở rộng	Singapore	Quý II	1	2	4		8		1	Rèn luyện tâm lý, kỹ chiến thuật nâng cao trình độ chuyên môn	Ngân sách sự nghiệp TĐTT thành phố cấp cho Sở VH&TT
		Tổng cộng			30	61	339	14					

KẾ HOẠCH MỜI CHUYÊN GIA VIỆT NAM(Kèm theo Kế hoạch số **30** /KH-SVHTT ngày **12** tháng **01** năm **2024** của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội)

TT	Bộ môn	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Thời gian	Mục đích
1	Bắn súng					
		1			12 tháng	Huấn luyện VĐV tuyển 1 chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
2	Boxing nam - Kickboxing - Muay					
*	Kickboxing	1			12 tháng	Huấn luyện VĐV tuyển trẻ chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia
*	Muay	1			12 tháng	Huấn luyện VĐV tuyển trẻ chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia
3	Cờ					
		1			12 tháng (Theo giờ)	Huấn luyện VĐV trọng điểm và VĐV tuyển 1 chuẩn bị Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026 và các kỳ Đại hội lớn trong khu vực
4	Thể dục dụng cụ					
		1			12 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm chuẩn bị SEA Games, Vô địch quốc gia
5	Xe đạp					
		1			09 tháng	Huấn luyện VĐV xe đạp đường trường chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
	Tổng cộng	6	0	0		

KẾ HOẠCH MỜI CHUYÊN GIA NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Kế hoạch số 30 /KH-SVHTT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội)

TT	Bộ môn	Quốc tịch	Số lượng chuyên gia	Số lượng phiên dịch	Thời gian	Mục đích
1	Bắn cung					
		Hàn Quốc	1		12 tháng	Huấn luyện VĐV tuyển 1 nội dung Cung 1 dây chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế và phần đấu giữ vững vị trí Nhất toàn đoàn tại giải Vô địch quốc gia
2	Boxing nam - Kickboxing - Muay					
*	Boxing nam					
		Kazakhstan	1	1	12 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm phần đấu giành HCV tại giải Vô địch quốc gia
*	Kickboxing					
		Châu Á	1	1	5 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế và Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026
*	Muay					
		Thái Lan	1	1	6 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế và Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026
3	Boxing nữ					
		Thái Lan	1	1	12 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế và Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026

TT	Bộ môn	Quốc tịch	Số lượng chuyên gia	Số lượng phiên dịch	Thời gian	Mục đích
4	Cầu mây					
		Thái Lan	1		12 tháng	Huấn luyện VĐV nữ tuyển 1, 2 chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế và phần đầu giữ vững vị trí Nhất toàn đoàn Giải Vô địch quốc gia
5	Cử tạ					
		Trung Quốc	1		6 tháng	Huấn luyện VĐV tuyển 1, 2 đội tuyển nam chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
		Trung Quốc	1	1	12 tháng	Huấn luyện VĐV tuyển 1, 2 đội tuyển nữ chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
6	Judo - Jujitsu					
	Judo					
		Hàn Quốc	1	1	12 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm môn Jujitsu phần đầu giành HCV tại các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
7	Karate					
		Châu Âu	1	1	10 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế và Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026
		Nhật Bản	1	1	10 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế và Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026
8	Kiểm quốc tế					
		Châu Âu/ Châu Á	1	1	6 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
9	Khiêu vũ thể thao					
		Nhật Bản	1		1 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm chuẩn bị SEA Games 33

TT	Bộ môn	Quốc tịch	Số lượng chuyên gia	Số lượng phiên dịch	Thời gian	Mục đích
10	Pencak Silat					
		Indonesia	1	1	12 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm nội dung biểu diễn chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
11	Taekwondo					
		Hàn Quốc	1	1	12 tháng	Huấn luyện VĐV tuyển 1, 2 nội dung Quyền chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
		Hàn Quốc	1	1	10 ngày	Nâng cao trình độ chuyên môn của HLV, VĐV và cập nhật luật, kỹ thuật sửa đổi bổ sung mới nhất của Liên đoàn Taekwondo thế giới
12	Thể thao dưới nước					
*	Bơi					
		Trung Quốc/ các nước Châu Á	1	1	9 tháng	Huấn luyện VĐV tuyển 1,2 chuẩn bị các Giải Vô địch, Vô địch trẻ quốc gia
*	Lặn					
		Trung Quốc/ các nước Châu Á	1	1	9 tháng	Huấn luyện VĐV tuyển 1, 2 chuẩn bị các Giải thi đấu quốc gia, quốc tế
*	Nhảy cầu					
		Trung Quốc/ các nước Châu Á	1	1	9 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm và VĐV tuyển 1, 2 nâng cao kỹ thuật, độ khó và có tính ổn định cao
13	Thể dục					
*	Dụng cụ					
		Châu Âu/ Châu Á	1	1	9 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế

TT	Bộ môn	Quốc tịch	Số lượng chuyên gia	Số lượng phiên dịch	Thời gian	Mục đích
*	Aerobic					
		Châu Âu/ Châu Á	1	1	3 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
*	Nghệ thuật					
		Châu Âu/ Châu Á	1	1	3tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế
14	Vật					
		Hàn Quốc	1	1	12 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm nội dung Vật cổ điển chuẩn bị các giải thi đấu và phần đấu giữ vị trí Nhất toàn đoàn tại giải Vô địch quốc gia
		Trung Quốc	1	1	8 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm nội dung Vật tự do chuẩn bị các giải thi đấu và phần đấu giữ vị trí Nhất toàn đoàn tại giải Vô địch quốc gia
15	Wushu					
		Trung Quốc	1	1	12 tháng	Huấn luyện VĐV trọng điểm chuẩn bị các giải thi đấu quốc gia, quốc tế và Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026
	Tổng cộng		25	21		

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THI ĐẤU

(Kèm theo Kế hoạch số 30 /KH-SVHTT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội)

TT	Tên giải	Địa điểm	Thời gian	Số ngày	Quy mô (người)	Mục đích
1	Bi sắt					
	Vô địch đồng đội quốc gia	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT Hà Nội	Quý I-IV	13	200	Phần đầu đạt nhiều HCV và nâng cao công tác tổ chức thi đấu
2	Cầu lông					
	Vietnam Challegen 1	Hà Nội	Quý I	10	400	Phần đầu đạt nhiều HCV và nâng cao công tác tổ chức thi đấu
3	Cờ					
	Vô địch Cờ vua quốc gia	Hà Nội	Quý I	14	600	Phần đầu đạt nhiều HCV và nâng cao công tác tổ chức thi đấu
4	Đua thuyền					
	Rowing và Canoeing Vô địch trẻ quốc gia	Hồ Tây	Quý III	14	400	Phần đầu đạt nhiều HCV và nâng cao công tác tổ chức thi đấu
5	Kiểm quốc tế					
	Vô địch quốc gia	Hà Nội	Quý IV	12	180	Phần đầu đạt nhiều HCV và nâng cao công tác tổ chức thi đấu
6	Thể dục					
*	Aerobic					
	Vô địch các CLB quốc gia Vô địch, Vô địch trẻ Châu Á	Hà Nội	Quý II	10	100	Phần đầu đạt nhiều HCV và nâng cao công tác tổ chức thi đấu
*	Nghệ thuật					
	Vô địch quốc gia	Hà Nội	Quý IV	10	100	Phần đầu đạt nhiều HCV và nâng cao công tác tổ chức thi đấu
7	Roller					
	Giải vô địch trẻ Roller Sport quốc gia	Hà Nội	Quý III	10	500	Phần đầu đạt nhiều HCV và nâng cao công tác tổ chức thi đấu
8	Trượt băng					
	Giải Trượt băng vô địch trẻ quốc gia	Hà Nội	Quý IV	7	100	Phần đầu đạt nhiều HCV và nâng cao công tác tổ chức thi đấu

KẾ HOẠCH THUÊ ĐỊA ĐIỂM ĂN Ở TẬP TRUNG VÀ TẬP LUYỆN(Kèm theo Kế hoạch số **30** /KH-SVHTT ngày **12** tháng **01** năm **2024** của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội)

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian	Đối tượng/ Mục đích
1	Bóng chuyền - Bóng rổ			
*	Bóng chuyền nam			
		Huyện Đông Anh	12 tháng	Bóng chuyền nam Do cơ sở vật chất hiện có chưa đáp ứng nhu cầu tập luyện của Bộ môn và để duy trì sự ổn định trong công tác huấn luyện, đào tạo
*	Bóng rổ			
		Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Hoài Đức	12 tháng	Bóng rổ nữ Do cơ sở vật chất hiện có chưa đáp ứng nhu cầu tập luyện của Bộ môn và để duy trì sự ổn định trong công tác huấn luyện, đào tạo
2	Bóng đá			
		Quận Hà Đông	12 tháng	Đội nữ U14 tuyển 2 Do cơ sở vật chất hiện có chưa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Bộ môn và để duy trì sự ổn định trong công tác huấn luyện, đào tạo
3	Golf - Bowling			
*	Golf			
		Sân Golf Phương Đông	12 tháng	Do cơ sở vật chất hiện có chưa đáp ứng nhu cầu tập luyện của Bộ môn và để duy trì sự ổn định trong công tác huấn luyện, đào tạo
		Một số sân Golf tại Hà Nội	12 tháng	Do cơ sở vật chất hiện có chưa đáp ứng nhu cầu tập luyện của Bộ môn và để duy trì sự ổn định trong công tác huấn luyện, đào tạo Kinh phí XHH: 50-70%
*	Bowling			
		Trung tâm Hero World Thanh Xuân	12 tháng	Do cơ sở vật chất hiện có chưa đáp ứng nhu cầu tập luyện của Bộ môn và để duy trì sự ổn định trong công tác huấn luyện, đào tạo

TT	Bộ môn	Địa điểm	Thời gian	Đối tượng/ Mục đích
4	Boxing nam -Kickboxing - Muay			
*	Kickboxing			
		Huyện Phúc Thọ	12 tháng	Tuyển 1, 2, 3 Do cơ sở vật chất hiện có chưa đáp ứng nhu cầu tập luyện của Bộ môn và để duy trì sự ổn định trong công tác huấn luyện, đào tạo
*	Muay			
		Huyện Phúc Thọ	12 tháng	Tuyển 1, 2, 3 Do cơ sở vật chất hiện có chưa đáp ứng nhu cầu tập luyện của Bộ môn và để duy trì sự ổn định trong công tác huấn luyện, đào tạo
5	Võ cổ truyền -Vovinam			
*	Võ cổ truyền			
		Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao quận Hà Đông	12 tháng	Tuyển 1, 2, 3 Do cơ sở vật chất hiện có chưa đáp ứng nhu cầu tập luyện của Bộ môn và để duy trì sự ổn định trong công tác huấn luyện, đào tạo
*	Vovinam			
		Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Hoài Đức	12 tháng	Tuyển 1, 2, 3 Do cơ sở vật chất hiện có chưa đáp ứng nhu cầu tập luyện của Bộ môn và để duy trì sự ổn định trong công tác huấn luyện, đào tạo
6	Vật			
		Quận Hà Đông	12 tháng	Vật dân tộc Do cơ sở vật chất hiện có chưa đáp ứng nhu cầu tập luyện của Bộ môn và để duy trì sự ổn định trong công tác huấn luyện, đào tạo
7	Thể thao khuyết tật			
		Trung tâm TDTT Ba Đình	15 buổi	VĐV môn Bơi để duy trì sự ổn định trong công tác huấn luyện và đào tạo
		Trung tâm TDTT Ba Đình	12 tháng	VĐV các môn: Bóng bàn, Cầu lông để duy trì sự ổn định trong công tác huấn luyện và đào tạo

KẾ HOẠCH THAM QUAN, HỌC TẬP MÔ HÌNH QUẢN LÝ, ĐÀO TẠO THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO
 (Kèm theo Kế hoạch số **30** /KH-SVHTT ngày **12** tháng **01** năm **2024** của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội)



TT	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Số lượng (người)	Số ngày	Mục đích
1	Quảng Tây - Thượng Hải (Trung Quốc)	Quý I	10	10	Tham quan, học tập mô hình quản lý, đào tạo thể thao thành tích cao
2	Quảng Đông - Bắc Kinh (Trung Quốc)	Quý II	10	10	Tham quan, học tập mô hình quản lý, đào tạo thể thao thành tích cao
3	Đức	Quý III	10	10	Tham quan, học tập mô hình quản lý, đào tạo thể thao thành tích cao
	Tổng cộng		30	30	

su